

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Cao đẳng (Tín chỉ) (C)
Toán - Công nghệ (CN)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
0907C11A (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Lý-Hóa A - 2009 - 2012)							
1	091C660002	Nguyễn Thế	Anh	01/04/90		10	
2	091C660010	Tạ Thị Ngọc	Hà	05/10/91		2	
3	091C660013	Bùi Đức	Hoàng	08/12/91		2	
4	091C660031	Hà Quang	Mạnh	11/06/90		2	
5	091C660050	Đình Thị	Viện	02/02/91		2	
0907C11B (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Lý-Hóa B (ĐC)- 2009 - 2012)							
1	091C660103	Lê Đức	Bằng	05/01/90		8	
2	091C660106	Nguyễn Đình	Chính	14/08/90		6	
3	091C660107	Đặng Văn	Chung	22/03/89		2	
4	091C660130	Lương Hữu	Trường	01/02/86		2	
5	091C660137	Trần Thế	Vinh	02/10/91		4	
1109C01A (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Toán - Lý A -2011 - 2014)							
1	111C650003	Chu Tiến	Cường	25/12/93		2	
2	111C650004	Vũ Thành	Đông	29/05/93		4	
3	111C650006	Phùng Thị Thanh	Giang	01/12/92		8	
4	111C650007	Đào Thị Thu	Hà	25/05/93		3	
5	111C650010	Nguyễn Thị	Hằng	01/02/93		2	
6	111C650012	Nguyễn Thị	Hiền	31/12/93		5	
7	111C650013	Phạm Thị	Hiền	05/01/92		3	
8	111C650015	Nguyễn Thị Như	Hoa	25/11/93		3	
9	111C650016	Vũ Thị Thanh	Hoa	23/03/93		3	
10	111C650017	Đình Thị Thúy	Hồng	13/05/93		5	
11	111C650018	Phùng Thị Minh	Huệ	08/09/93		4	
12	111C650020	Đình Mạnh	Hùng	26/11/92		3	
13	111C650022	Đình Thị	Huyền	14/09/92		3	
14	111C650024	Trần Thị Thu	Hương	10/10/93		2	
15	111C650025	Trần Trung	Kiên	01/07/93		5	
16	111C650027	Dương Thị Hai	Liên	17/06/92		5	
17	111C650029	Trần Thị Tài	Linh	13/09/93		4	
18	111C650031	Nguyễn Phương	Ly	26/04/93		8	
19	111C650034	Huỳnh Hải	Ngọc	17/08/93		7	
20	111C650037	Vũ Minh	Quang	01/07/93		5	
21	111C650038	Nguyễn Văn	Sơn	14/06/92		7	
22	111C650039	Chu Thị Phương	Thào	12/02/93		4	
23	111C650040	Đình Thị	Thào	21/08/93		5	
24	111C650044	Trần Thị	Thoa	06/04/93		2	
25	111C650048	Nguyễn Thị	Thương	04/02/93		2	
26	111C650053	Đặng Hồng	Tiến	12/10/93		8	
27	111C650050	Phùng Hải	Tú	08/05/92		8	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Cao đẳng (Tín chỉ) (C)
Toán - Công nghệ (CN)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
28	111C650051	Phạm Ngọc	Tùng	06/10/93		9	
29	111C650052	Lưu Thị Thu	Vân	05/01/93		5	
1109C01B (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Toán - Lý B (ĐC) -2011 - 2014)							
1	111C652001	Nguyễn Quý	Anh	09/04/93		4	
2	111C652002	Trần Thị Vân	Anh	17/06/93		2	
3	111C652003	Nguyễn Thị	Bảo	10/06/93		5	
4	111C652005	Hoàng Thị Ngọc	Chang	12/12/93		5	
5	111C652006	Đình Ngọc	Chính	23/07/93		2	
6	111C652007	Lù Văn	Chức	06/07/92		7	
7	111C652008	Trần Văn	Công	03/03/93		2	
8	111C652009	Hoàng Đức	Cương	09/07/93		4	
9	111C652010	Giàng Súa	Dê	16/07/91		7	
10	111C652012	Lê Thị Thu	Hà	28/05/93		3	
11	111C652013	Trần Thị Hồng	Hà	07/02/93		3	
12	111C652014	Trịnh Thị Thu	Hà	01/05/93		5	
13	111C652015	Lê Thị	Hạ	04/10/93		7	
14	111C652016	Hoàng Văn	Hải	23/11/93		3	
15	111C652017	Bùi Thị	Hằng	06/09/93		5	
16	111C652018	Nguyễn Thị	Hiền	18/02/90		2	
17	111C652019	Đình Thị Hồng	Hiệp	02/04/93		7	
18	111C652021	Bùi Thị Thanh	Hiếu	16/10/93		5	
19	111C652022	Nguyễn Thị	Hoa	01/08/93		3	
20	111C652023	Trần Thị	Hoa	04/08/92		7	
21	111C652024	Phạm Thu	Hòa	03/10/93		7	
22	111C652025	Đình Kiên	Hoàng	08/08/93		4	
23	111C652026	Lê Minh	Hoàng	05/10/93		5	
24	111C652027	Nịnh Hồng	Khanh	20/10/93		5	
25	111C652028	Phạm Xuân	Khánh	26/11/93		7	
26	111C652065	Hà Thị	Khuyên	20/06/93		2	
27	111C652029	Lê Trung	Kiên	20/09/93		5	
28	111C652031	Đặng Thị	Len	29/12/93		5	
29	111C652032	Đình Thị Ngọc	Linh	20/11/93		7	
30	111C652035	Trần Duy	Mạnh	29/11/93		5	
31	111C652036	Cao Hữu	Minh	11/10/93		8	
32	111C652037	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10/10/93		8	
33	111C652038	Đình Quang	Nghĩa	27/02/93		5	
34	111C652040	Lã Thái	Ngọc	04/03/92		3	
35	111C652041	Hà Thị	Nguyệt	20/07/93		2	
36	111C652042	Lê Thị	Nhung	06/03/93		7	
37	111C652043	Đỗ Thị	Phượng	06/09/93		7	
38	111C652046	Phùng Duy	Quý	15/11/93		3	
39	111C652047	Khổng Thị	Quỳnh	28/09/92		4	
40	111C652048	Ngô Thị Minh	Tâm	12/04/92		3	
41	111C652049	Hoàng Đình	Thái	14/06/93		5	
42	111C652052	Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/04/93		4	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Cao đẳng (Tín chỉ) (C)
Toán - Công nghệ (CN)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
43	111C652064	Trần Đức Thịnh	27/09/93		3	
44	111C652054	Phạm Minh Thùy	25/06/93		8	
45	111C652057	Vũ Hồng Thuyên	18/05/93		5	
46	111C652058	An Văn Trọng	23/01/92		5	
47	111C652059	Phạm Văn Tùng	06/01/93		7	
48	111C652061	Nguyễn Thị ánh Tuyết	10/01/93		7	
49	111C652062	Lê Thế Vinh	09/01/93		7	
50	111C652063	Trịnh Thị Xuân	02/10/93		7	

Tổng cộng danh sách này có 89 SV.

In Ngày 27/04/12

Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Cao đẳng (Tín chỉ) (C)

Nhạc - Hoạ (NH)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
0907C06A (Cao đẳng (Tín chỉ)- Âm nhạc-2009 - 2012)						
1	091C720010	Phạm Thị Thu	Hương	03/09/90		2
2	091C720029	Lê Văn	Tuấn	22/09/86		5
1008C05A (Cao đẳng (Tín chỉ)- Mỹ thuật-2010 - 2013)						
1	101C730001	Nguyễn Bình	Dương	02/09/92		3
2	101C730002	Phạm Hồng	Dương	07/02/92		8
3	101C730019	Đàm Thị Thu	Giang	20/10/92		5
4	101C730011	Chử Thị Thu	Huyền	30/05/92		5
5	101C730012	Nguyễn Cao	Sơn	22/04/91		8
6	101C730013	Hà Vũ	Thuật	14/10/91		5
7	101C730014	Bùi Thị	Thúy	15/11/91		5
8	101C730021	Hà Trọng	Toàn	20/02/91		5
9	101C730015	Phạm Thị	Trang	07/07/91		2
10	101C730017	Nguyễn Văn	Tuấn	15/08/91		2
1109C05A (Cao đẳng (Tín chỉ)-Hội họa A -2011 - 2014)						
1	111C730001	Đỗ Thị	Cảnh	20/03/93		5
2	111C730002	Đình Thị	Dịu	17/11/93		5
3	111C730005	Vì Thị Hồng	Lan	29/03/92		5
4	111C730006	Nguyễn Thùy	Linh	24/09/92		5
5	111C730009	Phạm Thị Hồng	Quý	10/10/93		5
6	111C730008	Vũ Thị	Tâm	10/08/93		5
1109C26A (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Âm nhạc A -2011 - 2014)						
1	111C720001	Nguyễn Văn	Chiến	15/01/93		2
2	111C720004	Nguyễn Thị	Hồng	10/06/92		7
3	111C720005	Nguyễn Thị	Linh	04/07/92		5
4	111C720006	Nguyễn Tuấn	Linh	20/05/90		5
5	111C720007	Nguyễn Văn	Lương	06/08/92		5
6	111C720012	Bun Hôm Lo Băn	Nút	/ /		5
7	111C720008	Nguyễn Thị Yến	Quỳnh	10/06/93		7
8	111C720009	Nguyễn Ngọc	Tâm	07/08/92		5
1109C26B (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Âm nhạc B (ĐC) -2011 - 2014)						
1	111C722001	Ma Văn	Tướng	22/03/93		7

Tổng cộng danh sách này có 27 SV.

In Ngày 27/04/12

Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Cao đẳng (Tín chỉ) (C)

Ngoại ngữ (NN)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1008C04A (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Tiếng Anh (ĐC)- 2010 - 2013)							
1	101C752003	Nguyễn Phương	Anh	19/02/92		6	
2	101C752004	Nguyễn Văn	Chung	20/11/92		4	
3	101C752007	Vi Thanh	Hải	04/09/87		4	
4	101C752008	Đình Thị Tuyết	Hạnh	24/10/92		4	
5	101C752009	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	23/11/91		6	
6	101C752011	Phan Thị	Hoàn	20/03/91		6	
7	101C752014	Bùi Thị	Nhung	09/06/92		4	
8	101C752015	Phạm Như	Quyên	17/08/92		2	
9	101C752017	Khổng Thị	Thoa	20/12/92		4	
10	101C752018	Nguyễn Thị Kim	Thoa	01/12/92		6	
11	101C752022	Ma Thị	Thùy	09/10/91		4	
12	101C752023	Lê Thị Diệu	Thúy	21/12/92		6	
13	101C752024	Lê Hoài	Thương	12/04/92		6	
14	101C752026	Nguyễn Thị	Trang	07/11/92		4	
15	101C752027	Nguyễn Thu	Trang	28/05/92		6	
16	101C752028	Phạm Thị	Trang	04/08/92		8	
17	101C752029	Tô Thị Thu	Trang	26/04/91		2	
18	101C752030	Nguyễn Thị	Vân	07/10/91		6	
1109C04A (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Tiếng Anh A-2011-2014)							
1	111C750004	Đình Thị Ngọc	Giang	15/02/93		4	
2	111C750013	Nguyễn Đình	Hùng	27/04/92		2	
3	111C750026	Nguyễn Thị Thùy	Linh	01/05/93		2	
4	111C750032	Thạch Quỳnh	Phương	26/09/93		2	
5	111C750036	Nguyễn Thị	Thanh	10/09/93		3	
6	111C750046	Bùi Thị Thu	Trang	09/06/93		2	
7	111C750050	Nguyễn Thị	Tuyết	07/02/93		6	
1109C04B (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Tiếng Anh B (ĐC) -2011-2014)							
1	111C752002	Lương Thị Quỳnh	Anh	28/10/93		4	
2	111C752005	Đặng Việt	Hằng	22/10/93		2	
3	111C752007	Bùi Minh	Huyền	27/07/93		2	
4	111C752011	Đỗ Thị Khánh	Ly	25/09/93		4	
5	111C752012	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	06/06/93		2	
6	111C752014	Khuất Thị	Ngân	06/05/93		2	
7	111C752015	Phạm Hồng	Ngọc	05/11/93		2	
8	111C752018	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	06/10/93		7	
9	111C752022	Nguyễn Thị	Toàn	26/07/93		2	

Tổng cộng danh sách này có 34 SV.

In Ngày 27/04/12

Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Cao đẳng (Tín chỉ) (C)
GDTH & Mầm non (TM)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1008C08A (Cao đẳng (Tín chỉ)- SP GD Mầm non (ĐC)-2010 - 2013)						
1	101C692006	Trương Thị Hạnh	20/04/92		2	
1008C09A (Cao đẳng (Tín chỉ)- SP GD Tiểu học (ĐC)-2010 - 2013)						
1	101C642001	Lê Thị Lan Anh	22/07/92		3	
2	101C642003	Lê Thị Ban	09/09/91		7	
3	101C642008	Hà Kim Chi	26/11/92		6	
4	101C642010	Hoàng Thị Hồng Cương	08/11/91		4	
5	101C642011	Hà Minh Cường	21/02/92		4	
6	101C642013	Cao Thị Kiều Diễm	07/11/92		3	
7	101C642014	Nông Thị Diệu	31/10/90		7	
8	101C642018	Đặng Thị Đoàn	21/10/89		4	
9	101C642023	Nguyễn Thị Hằng	20/11/91		6	
10	101C642024	Nguyễn Thị Thúy Hằng	12/03/92		7	
11	101C642025	Nguyễn Thị Thúy Hằng	01/09/92		3	
12	101C642029	Quách Văn Hiệp	24/02/92		2	
13	101C642031	Nguyễn Thanh Hoa	01/04/90		4	
14	101C642038	Hoàng Thị Huệ	05/10/92		4	
15	101C642039	Hoàng Thị Huyền	31/05/92		2	
16	101C642041	Nguyễn Thị Thanh Huyền	06/11/92		4	
17	101C642043	Lò Thị Thanh Hương	16/10/90		6	
18	101C642049	Nguyễn Thị Thúy Lan	07/12/92		7	
19	101C642051	Hoàng Thị Lâm	07/02/91		6	
20	101C642054	Lương Thị Liên	26/10/92		7	
21	101C642058	Đinh Phương Loan	02/10/92		2	
22	101C642059	Mùa A Lữ	10/11/90		2	
23	101C642061	Hà Thị Lý	27/05/92		3	
24	101C642063	Hà Thị Mai	28/05/92		2	
25	101C642066	Hàng Thị Mỹ	02/05/90		8	
26	101C642068	Lê Thị Nga	19/09/89		9	
27	101C642073	Ngô Thị Nhung	09/06/92		8	
28	101C642074	Phạm Thị Nhung	01/11/91		9	
29	101C642078	Nguyễn Thị Mộng Quyên	02/04/92		6	
30	101C642079	Cao Thị Tâm	30/01/92		6	
31	101C642080	Lưu Đình Tân	29/08/91		6	
32	101C642081	Phùng Thị Giang Thanh	11/07/92		6	
33	101C642082	Hà Thị Thành	27/11/92		7	
34	101C642083	Trần Thị Thảo	10/01/92		6	
35	101C642086	Triệu Thị Hồng Thắm	05/10/91		6	
36	101C642087	Lò Văn Thích	06/11/92		6	
37	101C642088	Nguyễn Phúc Thịnh	12/02/90		6	
38	101C642089	Hà Thị Thu	02/09/91		6	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ**Cao đẳng (Tín chỉ) (C)
GDTH & Mầm non (TM)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
39	101C642090	Ngô Thị Thu	22/12/91		8	
40	101C642091	Vũ Thị Thùy	15/03/92		8	
41	101C642092	Đặng Thị Thủy	08/06/92		8	
42	101C642093	Ngọc Thị Thủy	10/10/91		2	
43	101C642094	Chử Thị Thanh Thúy	10/09/91		6	
44	101C642095	Nguyễn Thị Thực	31/08/92		7	
45	101C642096	Nông Thị Tiên	01/02/92		6	
46	101C642099	Nguyễn Thị Trang	27/03/91		8	
47	101C642100	Văn Thị Thu Trang	10/03/92		8	
48	101C642101	Hà Thế Tuyên	28/07/88		4	
49	101C642102	Hà Thị Bích Tuyền	23/11/92		6	
50	101C642103	Ngô Thị ánh Tuyết	21/06/92		3	
51	101C642104	Đỗ Thị Tường	26/05/92		2	
52	101C642106	Đình Thị Vân	27/09/92		6	
53	101C642107	Lê Thị Vân	23/10/92		6	

Tổng cộng danh sách này có 54 SV.

In Ngày 27/04/12***Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu***

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Cao đẳng (Tín chỉ) (C)
Khoa học Tự nhiên (TN)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1008C13A (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Thể dục-CTĐ A-2010 - 2013)							
1	101C700003	Đình Tiến	Bảo	21/10/92		4	
2	101C700009	Lê Xuân	Dương	30/06/92		4	
3	101C700015	Phạm Đình	Hải	28/10/92		4	
4	101C700025	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	20/05/92		2	
5	101C700031	Đình Văn	Mạnh	12/08/92		3	
6	101C700032	Trần Duy	Mạnh	28/07/91		4	
7	101C700049	Nguyễn Minh	Tuấn	26/07/91		6	
1008C20B (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Hoá - Sinh B (ĐC) -2010 - 2013)							
1	101C662012	Trần Minh Hồng	Dinh	01/11/92		2	
2	101C662036	Đông Thị	Hồng	25/09/92		2	
1008C20C (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Hoá - Sinh C (ĐC) -2010 - 2013)							
1	101C662074	Hoàng Thị Thu	Thùy	15/02/91		2	
1109C13A (Cao đẳng (Tín chỉ)-Giáo dục thể chất A -2011 - 2014)							
1	111C700002	Nguyễn Văn	An	02/10/93		5	
2	111C700007	Nguyễn Tiến	Dũng	06/06/91		2	
3	111C700009	Phạm Minh	Dương	16/07/93		2	
4	111C700014	Nguyễn Văn	Hiển	13/11/92		5	
5	111C700020	Hà Văn	Linh	07/09/92		5	
6	111C700022	Nguyễn Thị	Luyến	02/06/93		5	
7	111C700023	Nguyễn Văn	Lý	26/09/93		5	
8	111C700024	Đình Hoài	Nam	16/11/93		5	
9	111C700025	Trần Hoài	Nam	17/08/92		5	
10	111C700026	Hà Ngọc	Quang	23/01/93		5	
11	111C700027	Nguyễn Xuân	Quang	01/04/93		5	
12	111C700029	Nguyễn Văn	Sơn	22/03/93		5	
13	111C700030	Nhâm Thái	Sơn	27/10/91		5	
14	111C700032	Lê Minh	Thành	21/10/93		5	
15	111C700036	Hà Đức	Toàn	06/05/92		5	
16	111C700038	Đình Tiến	Tùng	14/08/93		2	
17	111C700039	Đình Công	Tư	09/01/93		5	
18	111C700041	Phạm Hữu	Vinh	18/07/92		9	

Tổng cộng danh sách này có 28 SV.

In Ngày 27/04/12

Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Cao đẳng (Tín chỉ) (C)
KHXH & NV (XH)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
0907C03B (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Địa-GDCD B (ĐC) -2009 - 2012)						
1	091C680133	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	13/07/91		2	
2	091C680144	Vũ Thu Trang	16/12/90		2	
1008C03A (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Địa-GDCD A -2010 - 2013)						
1	101C680038	Vi Ngọc Anh	22/08/92		2	
2	101C680003	Nguyễn Thị Bé	23/05/92		2	
3	101C680004	Nguyễn Thị Châm	02/01/91		2	
4	101C680041	Đặng Thị Hải	10/05/92		2	
5	101C680042	Nguyễn Thị Hạnh	13/11/92		5	
6	101C680010	Hà Thị Thanh Hoa	20/10/91		2	
7	101C680013	Phùng Thị Huyền	23/09/90		7	
8	101C680015	Phùng Văn Khiêm	24/11/88		4	
9	101C680017	Đinh Thị Mai Lan	17/12/91		4	
10	101C680019	Cù Đức Lưu	21/03/91		7	
11	101C680047	Nguyễn Thị Mai	08/12/86		2	
12	101C680022	Lê Thanh Nam	18/09/92		4	
13	101C680049	Nguyễn Thị Ngà	20/03/92		2	
14	101C680024	Nguyễn Thị Nguyệt	19/02/92		2	
15	101C680050	Lục Thị Nhâm	27/05/92		2	
16	101C680026	Đinh Thị Minh Phương	15/06/92		2	
17	101C680028	Nguyễn Thị Quỳnh	25/07/91		2	
18	101C680030	Cao Thị Thanh	10/05/91		4	
19	101C680033	Nguyễn Thị Ngọc Thương	01/01/89		2	
20	101C680061	Đinh Thị Xuân	16/09/92		2	
1008C03B (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Địa-GDCD B (ĐC)-2010 - 2013)						
1	101C682003	Vương Thị ánh	24/02/92		4	
2	101C682004	Ngô Thị Bích	17/02/91		8	
3	101C682005	Trạc Thị Cao	22/09/92		8	
4	101C682006	Nguyễn Thị Chang	07/12/91		4	
5	101C682008	Bùi Kim Dung	10/10/92		2	
6	101C682009	Nguyễn Hồng Duyên	05/06/92		8	
7	101C682011	Vi Thị Kim Duyên	27/10/91		2	
8	101C682012	Phan Thị Điệp	18/06/92		2	
9	101C682014	Bùi Ngọc Hà	08/11/92		4	
10	101C682015	Hoàng Thu Hà	24/08/91		8	
11	101C682016	Võ Thị Việt Hà	21/08/92		4	
12	101C682017	Dương Thị Hàn	05/08/90		4	
13	101C682019	Trần Thị Hằng	08/06/92		6	
14	101C682021	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/08/88		2	
15	101C682024	Trần Thị Khánh Hòa	18/09/92		6	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Cao đẳng (Tín chỉ) (C)
KHXH & NV (XH)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
16	101C682025	Bùi Đức Hoài	26/04/91		7	
17	101C682026	Nguyễn Thị Hoài	27/08/92		8	
18	101C682027	Vàng Phà Hồ	01/06/90		7	
19	101C682028	Dương Quang Hợp	23/09/91		7	
20	101C682029	Hà Minh Huệ	06/03/92		4	
21	101C682030	Quàng Thị Huyền	07/08/92		8	
22	101C682033	Mai Thị Hương	17/01/91		7	
23	101C682037	Triệu Thị Khách	24/07/92		6	
24	101C682039	Nguyễn Thị Lan	15/06/91		4	
25	101C682043	Bùi Thị Loan	18/06/91		2	
26	101C682044	Cù Thanh Loan	05/08/92		4	
27	101C682046	Ngân Văn Luận	26/06/91		2	
28	101C682049	Giàng Thị Mò	27/02/92		6	
29	101C682052	Hoàng Thị Lệ Mỹ	15/10/92		5	
30	101C682053	Nguyễn Thanh Nam	22/06/92		8	
31	101C682054	Đoàn Thị Hằng Nga	21/07/92		4	
32	101C682056	Lành Văn Nghiên	27/05/90		7	
33	101C682057	Nguyễn Duy Nhất	25/04/91		6	
34	101C682059	Lý Phương Nó	17/04/92		6	
35	101C682060	Nông Thị Phương	29/01/91		2	
36	101C682062	Triệu Thị Phương	13/07/92		4	
37	101C682063	Đỗ Thị Phương	12/06/92		4	
38	101C682064	Giàng Seo Pùa	07/04/90		8	
39	101C682065	Lù A Pùa	06/09/90		6	
40	101C682067	Nguyễn Như Quảng	10/04/92		4	
41	101C682070	Phan Thị Thanh Tâm	01/08/91		6	
42	101C682071	Đình Trọng Thành	15/06/90		6	
43	101C682072	Hà Thị Thành	28/01/91		6	
44	101C682074	Nguyễn Mạnh Thắng	20/10/92		6	
45	101C682075	Ví Văn Thí	14/07/90		6	
46	101C682077	Tòng Thị Thín	06/05/92		2	
47	101C682079	Đình Thị Thanh Thủy	18/01/92		2	
48	101C682081	Lê Thị Hồng Thúy	05/11/92		4	
49	101C682084	Bùi Thị Tiệp	06/10/92		8	
50	101C682085	Sùng A Tình	20/11/92		8	
51	101C682086	Nguyễn Thị Toan	03/07/92		4	
52	101C682087	Đình Thị Trang	01/11/90		8	
53	101C682088	Đình Thị Huyền Trang	23/10/92		6	
54	101C682089	Hà Thị Trang	13/04/91		6	
55	101C682091	Đình Thị Tú	01/09/92		2	
56	101C682092	Hà Quốc Tuyển	10/11/87		8	
57	101C682093	Bùi Thị Tuyết	07/05/92		4	
58	101C682094	Mã Thị Uyên	09/12/90		4	
59	101C682095	Cao Thị Xuân	25/10/92		4	
60	101C682096	Mai Thị Xuân	18/01/90		4	
61	101C682097	Nguyễn Thị Xuân	10/11/91		4	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Cao đẳng (Tín chỉ) (C)
KHXH & NV (XH)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
62	101C682098	Đình Thị Phi	Yến	21/10/92		2	
63	101C682100	Lý Thị	Yến	01/03/92		4	
1109C03A (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Địa-GDCD A -2011 - 2014)							
1	111C680002	Lưu Thị Thanh	Bình	17/09/93		3	
2	111C680004	Nguyễn Thị	Châm	21/05/93		2	
3	111C680013	Nguyễn Thị Minh	Hằng	06/09/93		5	
4	111C680015	Lê Thúy	Hiền	21/11/93		2	
5	111C680016	Nguyễn Thị Mai	Hồng	23/06/92		2	
6	111C680028	Nguyễn Ngọc	Long	08/05/93		3	
7	111C680029	Lương Thị Tuyết	Mai	06/09/93		2	
8	111C680031	Tiêu Thị	Mai	02/05/92		2	
9	111C680032	Hà Thị	My	20/05/93		2	
10	111C680033	Hà Thị Thu	Nga	02/05/93		4	
11	111C680036	Đình Thị	Oanh	07/06/91		2	
12	111C680039	Nghiêm Thị	Thảo	25/07/92		4	
13	111C680041	Nguyễn Thị Kim	Thoa	09/01/93		2	
14	111C680050	Nguyễn Văn	Trọng	04/11/93		5	
15	111C680054	Vũ Thị	Vân	14/01/93		4	
1109C03B (Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Địa-GDCD B (ĐC) -2011 - 2014)							
1	111C682001	Lèng Xuân	Bầu	16/03/91		5	
2	111C682003	Lý Văn	Chiến	23/07/90		4	
3	111C682005	Tống Khánh	Duy	17/09/91		5	
4	111C682010	Nguyễn Thị	Hằng	11/12/93		5	
5	111C682011	Nguyễn Thị	Hằng	16/06/91		4	
6	111C682013	Hà Thị Cúc	Hoa	26/07/93		4	
7	111C682014	Nguyễn Thị	Hoa	04/07/92		4	
8	111C682021	Hà Thị Diễm	Hương	02/12/92		4	
9	111C682027	Nguyễn Thị Cẩm	Lâm	06/04/93		2	
10	111C682029	Hoàng Thị	Liên	25/09/93		2	
11	111C682030	Nguyễn Thị	Liên	10/01/93		4	
12	111C682032	Trương Thị Khánh	Linh	22/08/93		2	
13	111C682034	Nguyễn Ly	Ly	14/10/93		2	
14	111C682035	Nguyễn Thị	Năm	27/04/93		2	
15	111C682041	Lộc Đức	Nhật	24/10/92		4	
16	111C682042	Triệu Thị	Ninh	18/10/91		4	
17	111C682045	Hà Văn	Phi	22/03/92		2	
18	111C682046	Nguyễn Thị Minh	Phương	16/08/93		4	
19	111C682047	Nguyễn Như	Quỳnh	24/09/93		2	
20	111C682048	Trần Thị Hương	Quỳnh	13/05/93		2	
21	111C682049	Hoàng Văn	Sinh	04/04/90		4	
22	111C682050	Hà Thị Minh	Tâm	15/06/93		4	
23	111C682051	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	24/05/92		3	
24	111C682052	Hà Thị	Thanh	15/11/93		2	
25	111C682053	Đỗ Thị	Thơm	09/12/93		2	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Cao đẳng (Tín chỉ) (C)
KHXH & NV (XH)**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
26	111C682055	Đình Thị Thủy	10/05/93		2	
27	111C682056	Hoàng Thị Thủy	28/02/92		4	
28	111C682057	Trương Thị Thương	26/02/93		4	
29	111C682058	Mai Thị Kiều Trang	26/10/92		4	
30	111C682061	Lê Hoàng Trung	14/10/90		3	
31	111C682065	Đình Công Tuyên	07/05/92		4	
32	111C682066	Lê Thị Kim Tuyền	18/07/93		5	
33	111C682072	Nguyễn Thị Tuyền	28/01/93		7	
34	111C682071	Đỗ Kim Tuyền	02/07/92		7	
35	111C682068	Phạm Thị Vân	20/07/93		4	

Tổng cộng danh sách này có 135 SV.

In Ngày 27/04/12

**Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu**

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Đại học (Tín chỉ) (D)
Toán - Công nghệ (CN)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
0907D01A (Đại học (Tín chỉ)-SP Toán-2009 - 2013)						
1	0951010003	Lưu Thị Ngọc ánh	10/01/91		3	
2	0951010004	Vũ Thị Cúc	17/02/91		2	
3	0951010006	Lê Hùng Dũng	04/11/91		5	
4	0951010008	Bùi Thị Hạnh	23/12/90		3	
5	0951010009	Đinh Công Hậu	01/05/91		7	
6	0951010010	Nguyễn Tiến Hậu	12/10/91		3	
7	0951010014	Triệu Thị Thu Hoài	22/11/91		6	
8	0951010024	Phan Mạnh Hùng	28/09/88		9	
9	0951010018	Nguyễn Công Huy	17/04/91		3	
10	0951010019	Vũ Quang Huy	18/01/88		8	
11	0951010021	Đỗ Thị Thu Huyền	21/08/91		3	
12	0951010028	Phạm Ngọc Khiêm	02/02/91		7	
13	0951010030	Trần Văn Kỳ	17/11/91		7	
14	0951010033	Nguyễn Tiến Mạnh	17/08/91		7	
15	0951010034	Nguyễn Văn Minh	19/01/91		2	
16	0951010035	Nguyễn Thị Thúy Ngân	31/08/91		3	
17	0951010038	Đinh Ngọc Quân	23/06/91		4	
18	0951010039	Nguyễn Văn Quyền	06/06/82		7	
19	0951010043	Vũ Huy Thịnh	02/10/85		7	
20	0951010045	Vũ Đức Thông	02/09/82		9	
21	0951010048	Kiều Trang	05/05/91		2	
22	0951010053	Lưu Tuấn Vũ	28/01/91		4	
23	0951010054	Bùi Thị Hải Yến	04/06/90		2	
0907D08A (Đại học (Tín chỉ)-SP Toán - Lý-2009 - 2013)						
1	0951020002	Bùi Thị Ngọc Bích	15/08/91		2	
2	0951020001	Nguyễn Thị Lâm Bình	23/10/91		3	
3	0951020003	Trần Huy Cảnh	06/07/90		5	
4	0951020004	Hà Mạnh Chiến	04/05/90		7	
5	0951020005	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/07/91		2	
6	0951020006	Lưu Thị Thùy Dương	03/05/90		4	
7	0951020014	Nguyễn Ngọc Hoàng	22/07/91		5	
8	0951020021	Hà Trần Mạnh	05/06/90		7	
9	0951020022	Hà Thị Bình Minh	25/11/91		5	
10	0951020025	Trần Xuân Nam	04/11/91		5	
11	0951020028	Nguyễn Thị Thanh Nhân	14/09/91		4	
12	0951020034	Nguyễn Văn Tâm	21/08/91		4	
13	0951020039	Khổng Thị Thúy	23/04/91		4	
14	0951020046	Tạ Ngọc Tùng	17/08/91		3	
15	0951020049	Bùi Thị Ngọc Yến	22/09/90		4	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Đại học (Tín chỉ) (D)
Toán - Công nghệ (CN)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
0907D15A (Đại học (Tín chỉ)- Tin học-2009 - 2013)							
1	0951030002	Nguyễn Tuấn	Anh	06/06/91		4	
2	0951030004	Trần Ngọc	Anh	26/10/90		7	
3	0951030006	Đình Thị	Bình	07/11/91		5	
4	0951030009	Đào Ngọc	Cường	15/03/90		7	
5	0951030010	Vũ Tiến	Dũng	12/07/91		4	
6	0951030018	Lã Hồng	Khang	07/04/91		7	
7	0951030019	Cao Quốc	Khánh	06/10/91		5	
8	0951030020	Nguyễn Tiến	Kỳ	28/03/91		7	
9	0951030026	Nguyễn Văn	Minh	30/11/91		7	
10	0951030035	Lê Minh	Thành	29/10/91		7	
11	0951030040	Quản Mạnh	Thường	25/11/83		9	
12	0951030041	Vi Văn	Toàn	20/05/91		9	
13	0951030042	Ngô Đức	Trung	10/07/91		7	
14	0951030044	Lưu Ngọc	Tuân	28/02/91		7	
15	0951030048	Lê Quang	Vinh	02/10/91		4	
1008D01A (Đại học (Tín chỉ)-SP Toán A -2010 - 2014)							
1	1051010001	Nguyễn Thị Lan	Anh	05/02/92		6	
2	1051010003	Trần Thị Trung	Anh	02/09/92		9	
3	1051010005	Nguyễn Thị Đài	Chang	16/08/92		9	
4	1051010007	Nguyễn Chí	Cường	03/04/92		2	
5	1051010008	Phùng Quốc	Dũng	09/01/83		5	
6	1051010009	Trần Quốc	Dũng	13/11/92		4	
7	1051010011	Đỗ Thị	Đức	17/08/92		2	
8	1051010013	Nguyễn Thị	Hà	16/09/92		4	
9	1051010014	Nguyễn Thu	Hà	19/09/92		9	
10	1051010023	Phạm Văn	Khương	16/09/91		2	
11	1051010024	Hoàng Thị	Lan	09/10/92		2	
12	1051010025	Hoàng Thị Hồng	Linh	10/11/92		7	
13	1051010026	Nguyễn Nhất	Linh	10/12/92		2	
14	1051010034	Nguyễn Thị	Nhung	28/06/92		4	
15	1051010039	Nguyễn Cơ	Thạch	05/10/92		7	
16	1051010040	Hoàng Thị Phương	Thanh	24/08/92		2	
17	1051010041	Hoàng Thị	Thảo	23/11/92		2	
18	1051010042	Bùi Tiến	Thoảng	13/08/92		5	
19	1051010046	Nguyễn Thị Kim	Thư	27/09/91		4	
20	1051010047	Đỗ Đức	Toàn	17/08/92		6	
21	1051010048	Lương Thị Huyền	Trang	24/01/92		9	
22	1051010051	Nguyễn Thị	Tú	10/10/91		6	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Đại học (Tín chỉ) (D)
Toán - Công nghệ (CN)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1008D01B (Đại học (Tín chỉ)-SP Toán B (ĐC)-2010 - 2014)						
1	1051012002	Nguyễn Thị Thu Bền	10/04/92		2	
2	1051012003	Nguyễn Vi Công	08/10/92		5	
3	1051012030	Đỗ Thị Bích Định	06/11/92		7	
4	1051012004	Nguyễn Vy Đông	02/07/92		2	
5	1051012005	Trịnh Thị Ngọc Hà	10/06/92		2	
6	1051012007	Mai Thị Hạnh	20/09/92		8	
7	1051012008	Vũ Thị Hạnh	12/05/92		7	
8	1051012009	Hà Thị Hào	02/07/92		3	
9	1051012010	Trần Thị Hòa	20/10/92		2	
10	1051012011	Đỗ Văn Huy	18/08/92		2	
11	1051012014	Nguyễn Thị Mai Hương	01/10/91		7	
12	1051012015	Nguyễn Thị Thúy Hường	08/10/92		6	
13	1051012016	Nguyễn Tân Nam	13/04/91		2	
14	1051012017	Bùi Thị Ngân	10/07/92		2	
15	1051012019	Nguyễn Thị Nguyệt	02/04/91		2	
16	1051012020	Nguyễn Thị Bích Phương	26/09/92		4	
17	1051012022	Phạm Trung Thành	25/04/92		2	
18	1051012024	Nguyễn Thị Thảo	10/12/92		2	
19	1051012025	Hà Văn Thê	12/05/92		6	
20	1051012026	Ngô Thị Minh Thúy	24/09/92		2	
21	1051012027	Đặng Văn Toàn	03/10/92		4	
22	1051012028	Nguyễn Thu Trang	24/04/92		7	
23	1051012029	Phan Thị Thu Trang	26/12/91		2	
24	1051012006	Ngô Văn Vững	19/08/92		9	
1008D15A (Đại học (Tín chỉ) - Tin học A -2010 - 2014)						
1	1051030001	Lê Tuấn Anh	05/09/92		9	
2	1051030073	Trịnh Thị Lan Anh	14/05/92		3	
3	1051030018	Xa Thị Bích	20/11/92		8	
4	1051030019	Triệu Văn Bình	25/10/91		9	
5	1051030002	Dương Thị Chà	18/05/92		7	
6	1051030074	Nguyễn Thị Châm	06/08/92		3	
7	1051030003	Phùng Trọng Chiến	08/11/91		3	
8	1051030004	Nguyễn Văn Chung	25/03/92		9	
9	1051030020	Hà Thị Cúc	16/05/91		3	
10	1051030021	Phạm Thị Kim Cương	20/03/92		3	
11	1051030023	Bùi Văn Duyệt	15/07/92		6	
12	1051030025	Dương Thành Đông	07/06/92		3	
13	1051030026	Nguyễn Ngọc Giang	19/06/92		4	
14	1051030029	Nguyễn Thị Thu Hà	01/03/92		6	
15	1051030030	Phạm Thị Thu Hà	06/09/92		5	
16	1051030031	Hoàng Thanh Hải	12/03/90		8	
17	1051030032	Nguyễn Thị Hiền	17/02/92		9	
18	1051030033	Nguyễn Thị Thương Hiền	04/01/90		7	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Đại học (Tín chỉ) (D)
Toán - Công nghệ (CN)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
19	1051030034	Hoàng Trung	Hiếu	20/04/91		9	
20	1051030035	Hà Thanh	Hoài	14/08/92		9	
21	1051030036	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18/08/92		4	
22	1051030080	Nguyễn Thị Thu	Huyền	02/11/92		3	
23	1051030037	Triệu Tuyên	Hưng	13/12/91		9	
24	1051030081	Phạm Thị Mỹ	Hương	30/12/92		6	
25	1051030082	Nguyễn Duy	Khánh	11/02/91		9	
26	1051030040	Đình Ngọc	Khương	17/08/92		9	
27	1051030083	Nguyễn Anh	Linh	11/09/91		9	
28	1051030008	Đỗ Duy	Mạnh	05/04/92		8	
29	1051030044	Hoàng Văn	Mẫn	14/08/92		9	
30	1051030084	Hoàng Ngọc	Minh	06/11/92		9	
31	1051030049	Trịnh Thị Hồng	Nhung	09/10/92		4	
32	1051030052	Triệu Hải	Quân	29/08/92		9	
33	1051030053	Nguyễn Tiến	Quyết	13/03/92		5	
34	1051030054	Hà Thị Như	Quỳnh	05/11/92		6	
35	0951030034	Tạ Phú	Sơn	21/10/90		6	
36	1051030085	Phạm Tiến	Thành	04/08/92		9	
37	1051030057	Hoàng Chiến	Thắng	22/03/92		6	
38	1051030011	Nguyễn Đức	Thắng	17/07/92		9	
39	1051030059	Nguyễn Thị Kim	Thoa	06/04/91		3	
40	1051030060	Ngô Thị Thúy	Thơ	20/10/92		6	
41	1051030061	Lê Văn	Tích	07/06/92		8	
42	1051030012	Khổng Văn	Toàn	23/12/91		9	
43	1051030064	Hoàng Kim	Trâm	30/11/92		9	
44	1051030065	Hà Xuân	Triệu	17/05/92		3	
45	1051030013	Nguyễn Quang	Trung	01/05/91		2	
46	1051030067	Nguyễn Thị	Tú	03/09/92		6	
47	1051030068	Phạm Văn	Tú	10/09/92		8	
48	1051030069	Nguyễn Thanh	Tùng	18/08/92		7	
49	1051030086	Nguyễn Xuân	Tùng	29/08/92		8	
50	1051030070	Lã Thị ánh	Tuyết	20/04/92		3	
51	1051030071	Đoàn Đức Anh	Vũ	23/09/92		9	
52	1051030072	Hoàng Thị	Yến	05/09/92		6	

1109D01A (Đại học (Tín chỉ)- SP Toán học A - 2011 - 2015)

1	1151010003	Nguyễn Tuấn	Anh	29/05/93		8	
2	1151010004	Hoàng Thị Ngọc	ánh	22/06/93		3	
3	1151010005	Hà Thị Thanh	Bình	19/05/93		7	
4	1151010006	Nguyễn Thị Quỳnh	Châm	27/03/93		3	
5	1151010009	Lê Tuấn	Cường	26/09/93		5	
6	1151010012	Vi Thị	Đoan	15/02/93		3	
7	1151010013	Bùi Ngọc	Đức	17/11/92		8	
8	1151010014	Đặng Thị	Hà	08/10/93		8	
9	1151010015	Trần Thị Thanh	Hà	07/01/92		5	
10	1151010016	Phùng Thị Thu	Hạnh	25/08/93		5	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Đại học (Tín chỉ) (D)
Toán - Công nghệ (CN)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
11	1151010017	Nguyễn Thị Hằng	17/07/93		8	
12	1151010018	Dương Quang Hiệp	16/03/93		8	
13	1151010019	Nguyễn Văn Hiếu	17/12/93		3	
14	1151010020	Nguyễn Thị Hoa	30/08/93		5	
15	1151010022	Quyết Thị Huê	01/04/93		5	
16	1151010023	Nguyễn Thanh Huyền	04/07/93		5	
17	1151010025	Nguyễn Thị Thanh Hường	29/09/93		3	
18	1151010026	Trương Thị Lan	24/12/93		2	
19	1151010027	Đinh Thị Thùy Linh	11/12/93		5	
20	1151010028	Nguyễn Thị Mỹ Linh	05/08/93		5	
21	1151010030	Nguyễn Thị Lương	08/05/93		5	
22	1151010033	Nguyễn Đăng Phương	15/11/93		3	
23	1151010035	Phan Mai Quỳnh	27/05/93		3	
24	1151010036	Phùng Thị Phương Thảo	20/10/93		5	
25	1151010037	Nguyễn Thị Thúy	04/08/92		5	
26	1151010041	Đỗ Thanh Tùng	10/03/93		5	
1109D01B (Đại học (Tín chỉ)- SP Toán học B (ĐC) - 2011 - 2015)						
1	1151012002	Lê Thị Thu Hà	03/11/93		5	
2	1151012004	Đoàn Thị Thư	22/07/93		5	
3	1151012005	Lại Thị Hồng Thương	28/10/93		3	
4	1151012008	Đinh Hoài Vũ	30/03/93		3	
1109D15A (Đại học (Tín chỉ)- Công nghệ thông tin A - 2011 - 2015)						
1	1151030013	Nguyễn Trung Kiên	01/05/93		5	

Tổng cộng danh sách này có 182 SV.

In Ngày 27/04/12

Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Đại học (Tín chỉ) (D)
Kinh tế & QTKD (KT)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
0907D10A (Đại học (Tín chỉ)- Kế toán A-2009 - 2013)						
1	0954020007	Nguyễn Trung Đức	23/05/91		5	
2	0954020010	Nguyễn Thị Hạnh	23/09/91		3	
0907D10B (Đại học (Tín chỉ)- Kế toán B (ĐC)-2009 - 2013)						
1	0954020101	Bùi Ngọc Tú Anh	20/10/91		3	
2	0954020113	Trần Đức Phong	02/08/91		6	
0907D11A (Đại học (Tín chỉ)- Quản trị KD-2009 - 2013)						
1	0954010002	Phan Tuấn Anh	06/11/91		2	
2	0954010003	Trần Thị Lan Anh	01/01/90		8	
3	0954010004	Ngô Văn Bình	16/02/91		8	
4	0954010006	Nguyễn Đình Chiểu	24/01/91		5	
5	0954010007	Nguyễn Bảo Chung	01/04/91		2	
6	0954010008	Bùi Hữu Cường	20/10/88		8	
7	0954010009	Trần Đức Dũng	08/02/90		9	
8	0954010010	Nguyễn Hoàng Đạt	25/10/91		7	
9	0954010011	Đặng Đình Đông	24/05/91		5	
10	0954010013	Nguyễn Xuân Đức	05/10/90		2	
11	0954010014	Phùng Văn Giáp	14/09/90		8	
12	0954010015	Nguyễn Mạnh Hà	02/08/90		7	
13	0954010017	Đào Văn Hải	21/01/91		5	
14	0954010023	Trần Mạnh Hóa	09/07/91		7	
15	0954010021	Mã Đình Hoàn	09/12/91		5	
16	0954010022	Nguyễn Tuấn Hoàng	03/08/91		3	
17	0954010033	Dương Quang Long	11/05/91		5	
18	0954010035	Nguyễn Khắc Lợi	13/01/91		8	
19	0954010036	Nguyễn Hồng Luyện	10/06/90		5	
20	0954010037	Nguyễn Thanh Mai	03/09/91		5	
21	0954010042	Điêu Thị Nhung	01/07/90		5	
22	0954010043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/07/91		2	
23	0954010044	Đặng Thị Phương	01/10/90		3	
24	0954010045	Vũ Bích Phương	20/11/91		2	
25	0954010046	Ma Văn Sơn	28/08/91		2	
26	0954010049	Đỗ Thị Thảo	21/11/91		3	
27	0954010050	Cù Hữu Thọ	02/05/91		5	
28	0954010053	Lê Thị Huyền Trang	17/08/91		3	
29	0954010054	Vũ Thị Trang	20/12/91		5	
30	0954010056	Nguyễn Văn Trung	04/04/91		7	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
Kinh tế & QTKD (KT)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
0907D16A (Đại học (Tín chỉ)- T.Chính N.Hàng A -2009 - 2013)						
1	0954030005	Trần Thị Duyên	16/12/91		5	
2	0954030014	Đào Thị Ngọc Hà	07/09/91		5	
3	0954030019	Đình Thị Thúy Hồng	16/12/90		3	
4	0954030023	Vương Thị Thu Hương	16/02/91		5	
5	0954030024	Nguyễn Thị Liên	22/04/91		3	
6	0954030035	Trần Mạnh Quyết	14/09/90		3	
7	0954030041	Khổng Thị Kim Thanh	03/01/91		3	
8	0954030042	Hoàng Thị Ngọc Thúy	21/01/91		3	
9	0954030044	Nguyễn Thị Phương Thúy	13/10/91		3	
10	0954030047	Nguyễn Thị Huyền Trang	15/10/91		5	
11	0954030048	Hà Trí Trung	18/12/91		5	
12	0954030049	Cao Minh Tuấn	13/04/91		8	
13	0954030050	Đỗ Anh Tuấn	04/11/91		5	
14	0954030051	Nguyễn Việt Tuấn	07/02/91		5	
15	0954030054	Nguyễn Thanh Xuân	02/01/90		3	
16	0954030055	Cù Thị Yến	20/02/91		3	
0907D16B (Đại học (Tín chỉ)- T.Chính N.Hàng B (ĐC) - 2009 - 2013)						
1	0954030104	Phạm Quang Bách	20/10/91		2	
2	0954030111	Nguyễn Thị Việt Hà	15/08/91		2	
3	0954030113	Nguyễn Thu Hằng	23/02/91		2	
4	0954030117	Triệu Thị Kiểm	26/06/91		2	
5	0954030121	Nguyễn Thị Mỹ	29/07/91		2	
6	0954030122	Cao Thị Hằng Nga	05/06/91		3	
7	0954030123	Phạm Thị Nhung	10/08/91		5	
8	0954030131	Nguyễn Văn Thân	24/02/91		2	
9	0954030128	Bùi Thị Phương Thanh	27/11/90		3	
10	0954030129	Chu Thị Lan Thanh	23/11/91		2	
1008D10A (Đại học (Tín chỉ) - Kế toán A -2010 - 2014)						
1	1054020001	Nguyễn Thị Hoài An	22/09/92		2	
2	1054020013	Nguyễn Thị Thanh Hải	08/07/92		3	
3	1054020015	Lưu Thúy Hằng	11/03/92		5	
4	1054020027	Lương Quốc Hội	08/08/92		2	
5	1054020033	Nguyễn Thị Mai Hương	02/04/92		5	
6	1054020040	Mai Thị Linh	23/11/92		5	
7	1054020100	Triệu Quốc Lượng	19/07/91		2	
8	1054020059	Đỗ Thị Phương	27/11/92		2	
9	1054020061	Trần Thị Thúy Quỳnh	02/07/92		7	
10	1054020078	Lê Thị Huyền Trang	14/05/92		8	
11	1054020081	Trần Thanh Tú	05/09/92		5	
12	1054020085	Bùi Thị Minh Tuyết	20/10/92		2	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
Kinh tế & QTKD (KT)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1008D10B (Đại học (Tín chỉ) - Kế toán B -2010 - 2014)						
1	1054020036	Dương Tiến Lâm	12/04/92		2	
2	1054020039	Hà Diệu Linh	05/07/92		5	
3	1054020101	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	29/10/92		3	
4	1054020054	Nguyễn Thị Ngọc	10/10/92		9	
5	1054020058	Đình Thị Hồng Oanh	21/09/92		3	
6	1054020105	Đỗ Mạnh Phúc	07/12/91		6	
1008D10C (Đại học (Tín chỉ) - Kế toán C (ĐC) -2010 - 2014)						
1	1054022001	Nguyễn Thị Huyền	04/07/92		2	
2	1054022002	Nguyễn Anh Mùi	04/07/91		3	
3	1054022004	Lê Thị Ngọc Thanh	05/12/92		2	
4	1054022005	Bùi Thị Thu Thủy	17/09/92		2	
1008D11A (Đại học (Tín chỉ) - Quản trị KD-2010 - 2014)						
1	1054010003	Phạm Thị Linh Chi	11/10/92		5	
2	1054010042	Dương Thị Dung	23/12/92		2	
3	1054010043	Nguyễn Thị Mai Dung	29/04/92		7	
4	1054010044	Nguyễn Thị Phương Đông	06/06/92		2	
5	1054010045	Nguyễn Thị Hồng Hải	27/06/92		6	
6	1054010009	Nguyễn Đình Hào	20/12/92		2	
7	1054010011	Nguyễn Bá Hậu	04/12/92		6	
8	1054010049	Khuất Thị Hồng	10/01/92		2	
9	1054010051	Phạm Mạnh Hùng	02/12/91		6	
10	1054010052	Hoàng Thị Hương	01/06/92		4	
11	1054010053	Nông Thị Minh Hương	04/07/92		4	
12	1054010020	Nguyễn Thị Loan	05/01/91		7	
13	1054010022	Hoàng Thanh Minh	16/06/92		2	
14	1054010057	Trần Thị Minh	27/01/92		3	
15	1054010028	Trần Văn Ninh	15/10/92		4	
16	1054010059	Mai Minh Phương	30/10/92		5	
17	1054010060	Lò Văn Quán	21/03/90		9	
18	1054010036	Đỗ Đức Trung	10/08/92		7	
19	1054010063	Nguyễn Việt Trường	04/09/91		8	
20	1054010065	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	16/02/92		4	
21	1054010066	Nông Thị Yên	08/10/92		5	
1008D16A (Đại học (Tín chỉ) -T.Chính N.Hàng A-2010 - 2014)						
1	1054030074	Đào Công Anh	28/10/92		8	
2	1054030002	Hoàng Phương Anh	25/10/91		5	
3	1054030076	Lê Tiến Anh	24/07/92		4	
4	1054030004	Nguyễn Tố Anh	10/06/92		5	
5	1054030084	Nguyễn Thị Thanh Bình	14/06/92		3	
6	1054030006	Nguyễn Thị Minh Châu	22/10/92		3	
7	1054030089	Nguyễn Văn Diệp	08/04/91		2	
8	1054030092	Phạm Thị Kim Dung	23/03/92		2	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Đại học (Tín chỉ) (D)
Kinh tế & QTKD (KT)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
9	1054030011	Đặng Tiến	Dũng	01/01/92		2	
10	1054030093	Ma Khánh	Duy	29/08/92		9	
11	1054030095	Nguyễn Tùng	Dương	22/09/92		7	
12	1054030015	Phan Mạnh	Đại	29/10/92		6	
13	1054030097	Trần Anh	Điệp	24/10/92		3	
14	1054030099	Hà Thị Yến	Hải	30/12/91		3	
15	1054030020	Dương Minh	Hạnh	14/08/92		2	
16	1054030100	Nguyễn Thị Hồng	Hào	03/02/90		5	
17	1054030023	Trần Nguyễn Thanh	Hăng	20/12/92		5	
18	1054030105	Tạ Thị	Huệ	04/05/92		8	
19	1054030029	Nguyễn Thị Mai	Hương	26/08/92		5	
20	1054030113	Phùng Thu	Hường	15/11/92		5	
21	1054030114	Đỗ Xuân	Khánh	26/07/92		8	
22	1054030032	Phạm Lê	Kiên	29/08/92		8	
23	1054030033	Hà Thị Hồng	Kim	18/10/92		5	
24	1054030034	Phó Khắc	Lâm	26/05/92		9	
25	1054030036	Đặng Thị Xen	Linh	28/08/92		5	
26	1054030040	Trương Thị Thùy	Linh	19/10/92		5	
27	1054030129	Nguyễn Bá	Nghĩa	02/01/92		3	
28	1054030136	Phan Thị Mai	Phương	24/09/92		5	
29	1054030053	Nguyễn Thị	Phượng	20/05/92		5	
30	1054030055	Phan Mạnh	Tài	11/06/92		7	
31	1054030056	Đỗ Đình	Tâm	02/09/91		2	
32	1054030141	Nguyễn Mạnh	Thắng	11/07/91		8	
33	1054030063	Cao Thị	Thu	01/02/92		3	
34	1054030065	Trần Thị Thu	Thùy	17/03/92		2	
35	1054030146	Nguyễn Khánh	Toàn	20/05/92		9	
36	1054030149	Nguyễn Anh	Tùng	20/08/91		6	
37	1054030071	Nguyễn Quang	Yên	06/05/92		5	
1008D16B (Đại học (Tín chỉ) -T.Chính N.Hàng B-2010 - 2014)							
1	1054030075	Đào Tuấn	Anh	17/12/92		8	
2	1054030003	Nguyễn Thị Lan	Anh	26/10/91		2	
3	1054030081	Vũ Tuấn	Anh	11/02/92		5	
4	1054030082	Nguyễn Ngọc	Bích	08/12/92		2	
5	1054030087	Nguyễn Văn	Chiến	08/08/92		8	
6	1054030010	Nguyễn Kim	Cương	14/06/92		7	
7	1054030014	Châu Đại	Dương	06/04/92		6	
8	1054030096	Đình Tiến	Đạt	17/08/92		6	
9	1054030017	Lê Đức	Điền	23/05/92		6	
10	1054030018	Ngô Xuân Việt	Đức	28/02/91		5	
11	1054030098	Nguyễn Thị Hương	Giang	24/09/91		8	
12	1054030021	Hà Thúy	Hăng	14/03/92		7	
13	1054030104	Nguyễn Đình	Hòa	05/07/92		6	
14	1054030031	Nguyễn Duy	Khánh	14/06/92		8	
15	1054030115	Nguyễn Đình	Khoa	30/06/92		6	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
Kinh tế & QTKD (KT)**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
16	1054030116	Đào Trung	Kiên	18/03/92		9	
17	1054030038	Nguyễn Thị Diệu	Linh	03/06/92		8	
18	1054030041	Phạm Thị Mai	Loan	18/03/92		3	
19	1054030119	Sa Đình	Long	14/06/92		5	
20	1054030120	Vũ Hoàng	Long	19/08/92		9	
21	1054030042	Nguyễn Thế	Lực	18/02/92		8	
22	1054030122	Đào Khánh	Ly	20/04/92		5	
23	1054030045	Phạm Thị Thanh	Mai	08/02/92		8	
24	1054030046	Hoàng Tiến	Nam	21/07/92		9	
25	1054030048	Nguyễn Thị	Nga	10/05/92		2	
26	1054030132	Nguyễn Thị	Nhung	04/01/92		3	
27	1054030133	Vũ Thị Hồng	Nhung	23/08/92		5	
28	1054030052	Nguyễn Bích	Phượng	26/08/92		9	
29	1054030054	Nguyễn Hồng	Sơn	05/11/91		6	
30	1054030058	Hoàng Phượng	Thảo	08/09/92		2	
31	1054030059	Lương Thị Phượng	Thảo	10/10/92		5	
32	1054030142	Phùng Tất	Thắng	02/04/92		8	
33	1054030067	Phùng Thị	Thúy	12/05/92		5	
34	1054030145	Nguyễn Xuân	Tiến	05/10/92		6	
35	1054030069	Lê Thị Thu	Trang	28/11/92		8	
36	1054030072	Hà Quỳnh	Yến	27/09/92		5	
37	1054030073	Lương Thị Hải	Yến	04/05/92		9	
1008D16C (Đại học (Tín chỉ) -T.Chính N.Hàng C (ĐC) -2010 - 2014)							
1	1054032002	Kim Quốc	Dương	18/02/92		5	
2	1054032005	Trương Lâm	Tùng	17/09/92		3	
1109D10A (Đại học (Tín chỉ)- Kế toán A - 2011 - 2015)							
1	1154020007	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	01/02/93		5	
2	1154020040	Nguyễn Thị Mai	Hương	02/10/93		5	
3	1154020042	Hoàng Thị	Hường	05/08/93		5	
4	1154020048	Trần Văn	Kiên	07/02/93		5	
5	1154020061	Hoàng Văn	Mạnh	22/03/93		5	
6	1154020062	Đoàn Phương	Nga	12/04/93		5	
7	1154020064	Nguyễn Thị	Ngọc	01/10/93		5	
8	1154020066	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	16/09/93		5	
9	1154020081	Lưu Thị	Quyên	23/10/93		3	
10	1154020082	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	06/01/92		5	
11	1154020102	Nguyễn Thị Mai	Thương	19/06/93		5	
12	1154020111	Triệu Anh	Tuấn	26/09/93		8	
13	1154020116	Nguyễn Tuấn	Vũ	27/04/92		5	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
Kinh tế & QTKD (KT)**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1109D10B (Đại học (Tín chỉ)- Kế toán B - 2011 - 2015)						
1	1154020005	Hà Thị Hồng ánh	28/02/93		3	
2	1154020006	Nguyễn Thị Hồng ánh	01/04/93		3	
3	1154020008	Tạ Thị Thanh Bình	08/09/93		5	
4	1154020011	Nguyễn Văn Chiến	30/11/93		5	
5	1154020018	Đặng Thị Hồng Đức	11/04/93		5	
6	1154020021	Phùng Thị Hải	17/12/93		5	
7	1154020026	Tạ Thị Hiền	28/05/93		5	
8	1154020027	Trần Thị Hiền	02/01/93		8	
9	1154020028	Đỗ Văn Hiệp	20/11/93		8	
10	1154020033	Lê Thị Hồng	21/10/92		3	
11	1154020047	Cao Trung Kiên	26/07/93		3	
12	1154020049	Bùi Thị Lan	30/09/92		5	
13	1154020057	Bùi Tiến Lực	01/09/92		3	
14	1154020060	Vũ Ngọc Mai	13/11/93		5	
15	1154020072	Tạ Thị Hồng Nhung	08/02/93		8	
16	1154020074	Khổng Thị Minh Phương	08/10/92		6	
17	1154020093	Phan Thị Thu Thảo	24/03/93		5	
18	1154020095	Nguyễn Văn Thịnh	06/02/91		8	
19	1154020105	Hoàng Thị Mai Trang	15/04/93		8	
20	1154020114	Ngô Thanh Tùng	25/02/93		3	
21	1154020119	Phan Thị Hải Yến	23/04/93		5	
22	1154020120	Vũ Thị Hạnh Yến	20/03/93		8	
1109D10C (Đại học (Tín chỉ)- Kế toán C (ĐC) - 2011 - 2015)						
1	1154022001	Dương Thị Ngọc ánh	22/10/93		5	
2	1154022003	Đỗ Tiến Dũng	11/10/93		3	
3	1154022004	Hà Anh Dũng	15/03/89		6	
4	1154022009	Nguyễn Thị Hằng	10/12/93		5	
5	1154022010	Nguyễn Thị Hằng	20/12/93		3	
6	1154022011	Nguyễn Thu Hằng	09/08/93		3	
7	1154022015	Nguyễn Thị Hồng	14/04/93		3	
8	1154022016	Nguyễn Thương Huyền	21/07/93		5	
9	1154022017	Phan Hồng Lam	05/04/93		6	
10	1154022018	Hoàng Ngọc Lâm	25/03/93		3	
11	1154022021	Cao Đức Núi	17/01/90		3	
12	1154022023	Hoàng Hạnh Phúc	24/09/93		3	
13	1154022024	Tô Thị Phương	25/08/93		8	
14	1154022027	Phạm Thị Thiện	02/10/93		3	
1109D11A (Đại học (Tín chỉ)- Quản trị kinh doanh A - 2011 - 2015)						
1	1154010011	Kim Thị Hồng Hạnh	23/03/93		5	
2	1154010012	Phạm Thị Thu Hằng	05/11/93		5	
3	1154010024	Bùi Thị Thanh Lam	16/03/93		2	
4	1154010025	Nguyễn Thị Hồng Lan	05/04/93		8	
5	1154010033	Phùng Thị Hằng Nga	17/08/93		5	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
Kinh tế & QTKD (KT)**

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
6	1154010034	Trần Đại	Nghĩa	01/11/93		3	
7	1154010035	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	25/10/92		5	
8	1154010040	Mạc Thị Như	Quỳnh	02/07/93		3	
9	1154010041	Nguyễn Nhật	Quỳnh	23/10/93		5	
10	1154010044	Đặng Thị Phương	Thảo	15/11/93		8	
11	1154010046	Bùi Quang	Thắng	12/12/90		5	
12	1154010048	Trần Thị	Thỏa	09/02/93		5	
13	1154010050	Nguyễn Thị	Thu	23/08/93		3	
14	1154010053	Nguyễn Thu	Tình	14/11/93		2	
15	1154010054	Phạm Long	Trọng	15/01/93		8	
16	1154010057	Chu Thị Cẩm	Vân	09/07/93		5	
17	1154010059	Phan Hải	Yến	06/10/92		5	
1109D11B (Đại học (Tín chỉ)- Quản trị kinh doanh B (ĐC) - 2011 - 2015)							
1	1154012001	Đình Kiên	Cường	20/05/93		8	
2	1154012003	Bùi Lê Hương	Điệp	03/12/93		5	
3	1154012004	Nguyễn Thị Thu	Hiền	09/11/93		8	
4	1154012005	Quán Thị Bích	Huệ	12/05/93		5	
5	1154012006	Đào Thị	Huyền	22/08/93		5	
6	1154012007	Mai Thị Thu	Huyền	06/09/93		5	
7	1154012008	Trần Thị	Khuyên	28/09/93		5	
8	1154012009	Trương Thị	Kiều	10/12/92		5	
9	1154012010	Nguyễn Kim	Ngọc	06/06/91		5	
10	1154012011	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	19/08/93		5	
11	1154012012	Bùi Văn	Sỹ	18/04/90		5	
12	1154012013	Nguyễn Minh	Trường	25/08/93		8	
13	1154012014	Vũ Ngọc	Tùng	21/04/93		5	
14	1154012015	Nguyễn Cẩm	Vân	28/12/93		5	
1109D16A (Đại học (Tín chỉ)- Tài chính - Ngân hàng A - 2011 - 2015)							
1	1154030006	Hoàng Thị	Bích	26/06/93		8	
2	1154030010	Hà Quang	Cảnh	12/06/93		5	
3	1154030113	Phạm Thị Linh	Chi	19/08/92		5	
4	1154030012	Bùi Anh	Dũng	24/02/93		8	
5	1154030014	Dương Hải	Đăng	18/09/93		8	
6	1154030015	Hoàng Minh	Giang	04/11/93		8	
7	1154030017	Đình Thị Thúy	Hà	25/10/93		3	
8	1154030018	Phan Thu	Hà	05/10/93		5	
9	1154030019	Đỗ Mạnh	Hải	24/03/93		5	
10	1154030021	Đỗ Thị Thúy	Hằng	22/08/93		5	
11	1154030026	Giàng Thị	Hậu	17/11/93		5	
12	1154030028	Đỗ Trung	Hiếu	25/12/93		8	
13	1154030030	Nguyễn Thị	Hoa	08/01/93		5	
14	1154030042	Nguyễn Thị	Hương	19/07/93		3	
15	1154030043	Trần Thị Thanh	Hương	22/10/93		3	
16	1154030045	Đỗ Thị	Lan	02/04/93		2	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
Kinh tế & QTKD (KT)**

Trang 8

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
17	1154030046	Lê Thị Thanh	Lan	03/12/93		2	
18	1154030053	Ngô ái	Linh	09/09/93		5	
19	1154030058	Nguyễn Hán	Long	05/05/93		7	
20	1154030071	Nguyễn Thu	Phương	18/11/93		5	
21	1154030082	Nguyễn Minh	Thành	01/08/93		8	
22	1154030083	Lê Phương	Thảo	15/09/93		3	
23	1154030088	Đỗ Thị Thu	Thủy	01/05/93		3	
24	1154030091	Hoàng Thị	Thúy	11/08/93		5	
25	1154030094	Nguyễn Thị Kim	Thúy	11/12/93		5	
26	1154030098	Lại Thị Huyền	Trang	20/04/93		5	
27	1154030100	Trần Thị Huyền	Trang	24/08/93		5	
28	1154030102	Đoàn Anh	Tuấn	13/02/93		3	
29	1154030105	Nguyễn Sơn	Tùng	07/01/93		3	
30	1154030106	Lê Minh	Tuyết	13/10/93		8	
31	1154030108	Lê Anh	Xuân	28/10/92		3	
1109D16B (Đại học (Tín chỉ)- Tài chính - Ngân hàng B - 2011 - 2015)							
1	1154030002	Nguyễn Thị Vân	Anh	09/11/93		8	
2	1154030007	Lê Thị Ngọc	Bích	22/10/93		5	
3	1154030114	Nguyễn Văn	Công	28/12/92		3	
4	1154030023	Tạ Thị Thu	Hằng	20/04/93		8	
5	1154030029	Đinh Thị Mai	Hoa	19/01/93		3	
6	1154030040	Lê Thị Mai	Hương	18/07/93		5	
7	1154030047	Phạm Thị Ngọc	Lan	17/01/93		3	
8	1154030055	Nguyễn Thị Hồng	Linh	16/10/93		8	
9	1154030057	Đỗ Thanh	Loan	29/07/93		3	
10	1154030060	Vũ Gia	Long	13/01/93		5	
11	1154030062	Dương Đình	Nam	19/01/93		8	
12	1154030063	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	27/10/93		3	
13	1154030065	Lê Tuấn	Nghĩa	14/05/93		5	
14	1154030092	Lương Thị Minh	Thúy	22/08/93		5	
15	1154030093	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	20/08/93		8	
16	1154030095	Mai Minh	Tiến	31/08/93		5	
17	1154030096	Cao Thị Minh	Trang	11/11/93		5	
18	1154030107	Nguyễn Hồng	Vân	26/06/93		5	
1109D16C (Đại học (Tín chỉ)- Tài chính - Ngân hàng C (ĐC) - 2011 - 201)							
1	1154032001	Nguyễn Thị Lan	Anh	24/10/93		5	
2	1154032004	Trần Thùy	Dung	16/09/93		8	
3	1154032005	Nguyễn Mạnh	Dũng	05/11/93		6	
4	1154032006	Hoàng Trọng	Đại	03/08/93		5	
5	1154032008	Chu Trường	Giang	29/07/93		6	
6	1154032009	Dương Đức	Hà	25/04/87		5	
7	1154032011	Vũ Minh	Hằng	14/03/93		5	
8	1154032013	Nguyễn Thị Thu	Hường	22/09/93		5	
9	1154032014	Vương Ngọc	Linh	29/07/92		5	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
Kinh tế & QTKD (KT)**

Trang 9

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
10	1154032015	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	11/04/92		8	
11	1154032016	Nguyễn Lâm Oanh	13/12/93		8	
12	1154032018	Hoàng Thị Quyên	22/07/93		8	
13	1154032019	Trần Quốc Sinh	20/01/93		8	
14	1154032020	Võ Văn Thái	18/11/92		8	
15	1154032023	Vũ Thị Thu Thảo	28/08/93		8	
16	1154032024	Vũ Anh Thư	21/06/93		3	
17	1154032027	Tạ Hải Yến	17/04/93		5	

Tổng cộng danh sách này có 325 SV.

In Ngày 27/04/12

**Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu**

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Đại học (Tín chỉ) (D)
Nông - Lâm - Ngư (NL)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
0907D12A (Đại học (Tín chỉ)- Trồng trọt-2009 - 2013)							
1	0953040002	Sa Kim	Cương	04/05/91		6	
2	0953040003	Hà Mạnh	Cường	16/11/90		6	
3	0953040008	Nguyễn Đình	Duy	23/01/91		6	
4	0953040018	Lê Đức	Hùng	22/05/91		6	
5	0953040024	Trần Thị Tuyết	Nhung	19/05/91		2	
6	0953040026	Nguyễn Trọng	Quyết	29/05/91		6	
7	0953040027	Đàm Thúy	Quỳnh	21/07/91		2	
8	0953040032	Nguyễn Anh	Tuấn	27/09/91		6	
9	0953040038	Lê Thế	Tùng	17/10/90		8	
0907D13A (Đại học (Tín chỉ)- C.Nuôi - Thú y-2009 - 2013)							
1	0953060001	Dương Hòa	Bình	02/12/91		7	
2	0953060005	Triệu Thanh	Hải	02/10/90		6	
3	0953060007	Đào Huy	Hoàng	24/03/91		5	
4	0953060008	Nguyễn Văn	Linh	28/09/91		7	
5	0953060010	Đỗ Quý	Nhã	23/08/90		4	
6	0953060011	Trần Thị Thu	Thanh	05/09/91		2	
7	0953060014	Phùng Thị	Thào	15/10/91		4	
1008D12A (Đại học (Tín chỉ) - Trồng trọt-2010 - 2014)							
1	1053040021	Đặng Anh	Chiến	14/12/92		5	
2	1053040022	Nguyễn Mạnh	Cường	29/09/92		2	
3	1053040006	Lê Tuấn	Khanh	14/09/91		4	
4	1053040007	Lê Đức	Lâm	25/04/92		3	
5	1053040043	Phùng Thị	Thân	04/12/91		2	
6	1053040038	Nguyễn Thị Huyền	Thương	28/02/91		2	
1008D13A (Đại học (Tín chỉ) - C.Nuôi - Thú y-2010 - 2014)							
1	1053060023	Đỗ Ngọc	Huy	04/06/91		5	
2	1053060024	Tô Trung	Kiên	26/03/92		9	
3	1053060006	Thào Seo	Lìn	10/10/92		9	
4	1053060029	Nguyễn Thị Hằng	Nga	10/04/91		5	
5	1053060036	Nguyễn Nam	Thành	24/05/91		9	
6	1053060013	Nguyễn Văn	Vinh	01/12/92		6	
1008D22A (Đại học (Tín chỉ) - Lâm nghiệp-2010 - 2014)							
1	1053050037	Nguyễn Đình	Anh	31/03/91		6	
2	1053050038	Tăng Văn	Đức	01/10/92		4	
3	1053050003	Triệu Quang	Hải	24/03/92		4	
4	1053050024	Bùi Thị Quỳnh	Liên	22/05/92		8	
5	1053050025	Trương Thị	Lợi	21/06/92		6	
6	1053050011	Trần Tiến	Mạnh	21/08/92		4	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ**Đại học (Tín chỉ) (D)
Nông - Lâm - Ngư (NL)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
7	1053050026	Quyền Thị Mận	07/02/92		2	
8	1053050039	Hoàng Thị Hồng Nhung	10/08/92		4	
9	1053050028	Nguyễn Văn Quang	12/09/92		3	
10	1053050030	Nguyễn Mạnh Thắng	13/08/92		4	
11	1053050032	Bùi Quang Tiến	24/11/91		6	
12	1053050040	Trần Thanh Toàn	19/09/92		4	
13	1053050033	Bàn Văn Tuấn	14/07/92		6	
14	1053050034	Nguyễn Quang Tùng	01/09/91		4	
15	1053050035	Đình Văn Tư	29/12/90		4	
1109D12A (Đại học (Tín chỉ)- Khoa học cây trồng A - 2011 - 2015)						
1	1153040030	Vi Mạnh Cường	30/06/93		5	
2	1153040007	Nguyễn Quang Hưng	02/02/91		7	
3	1153040018	Nguyễn Tiến Thành	28/06/92		2	
4	1153040022	Hoàng Ngọc Tú	15/11/93		3	
1109D13A (Đại học (Tín chỉ)- Chăn nuôi - Thú y A - 2011 - 2015)						
1	1153060020	Hứa Văn Thắng	17/06/93		7	
2	1153060021	Nguyễn Anh Thọ	20/08/92		2	
3	1153060030	Nguyễn Anh Tuấn	12/03/92		7	

Tổng cộng danh sách này có 50 SV.

In Ngày 27/04/12**Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu**

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Đại học (Tín chỉ) (D)

Ngoại ngữ (NN)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
0907D04A (Đại học (Tín chỉ)- Tiếng Anh-2009 - 2013)							
1	0957010005	Nguyễn Xuân	Duy	26/09/90		2	
2	0957010007	Nguyễn Thị Bích	Điệp	23/12/91		2	
3	0957010009	Cam Minh	Giang	06/03/91		2	
4	0957010010	Hán Thu	Hà	18/08/91		2	
5	0957010014	Nguyễn Thanh	Hiền	27/04/91		2	
6	0957010015	Nguyễn Thị	Hoa	27/06/91		2	
7	0957010017	Trần Thanh	Hòa	20/11/90		2	
8	0957010018	Đình Thị	Hồng	09/04/91		2	
9	0957010021	Hán Thị Thu	Hương	15/04/90		2	
10	0957010022	Hoàng Thị Kim	Hương	12/04/91		2	
11	0957010023	Nguyễn Thị	Hương	06/11/91		2	
12	0957010025	Phạm Thị	Hương	16/11/90		2	
13	0957010026	Trần Thị Lan	Hương	22/08/91		2	
14	0957010027	Trần Thị Mai	Hương	01/09/91		2	
15	0957010028	Hà Thị Thu	Hương	05/08/91		2	
16	0957010029	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/04/91		2	
17	0957010031	Lê Thị Phương	Lan	15/01/91		2	
18	0957010032	Phạm Thị Hồng	Liên	07/10/90		2	
19	0957010035	Phan Thị	Loan	01/08/90		2	
20	0957010036	Đỗ Thị	Mai	12/08/91		2	
21	0957010039	Hà Thị Kim	Ngân	20/08/91		2	
22	0957010042	Lê Thị Hoa	Phúc	20/10/90		2	
23	0957010046	Hà Thị	Thanh	21/11/91		2	
24	0957010048	Nguyễn Thị Bích	Thảo	01/08/91		2	
25	0957010051	Đoàn Thị	Thúy	27/09/91		2	
26	0957010052	Nguyễn Thị Thu	Trang	31/01/90		2	
27	0957010053	Đình Văn	Tuân	30/09/90		2	
28	0957010056	Đào Văn	Yên	20/02/90		2	
29	0957010057	Hà Thị Hải	Yến	29/11/90		2	
0907D18A (Đại học (Tín chỉ)- Tiếng Trung-2009 - 2013)							
1	0957020002	Nguyễn Thị	Bình	16/11/90		2	
2	0957020008	Chu Thi	Giang	24/06/91		4	
3	0957020011	Phùng Thị Thùy	Giang	30/07/91		6	
4	0957020013	Vũ Thị	Hà	01/02/90		2	
5	0957020015	Đào Thị	Huệ	17/08/91		6	
6	0957020017	Lê Thu	Hương	11/08/88		2	
7	0957020018	Nguyễn Thị	Khuyên	10/10/89		2	
8	0957020022	Triệu Thị Hồng	Mận	21/09/91		2	
9	0957020023	Nguyễn Thị Hà	Miên	02/09/90		4	
10	0957020024	Thái Thu	Nga	08/11/91		2	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
Ngoại ngữ (NN)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
11	0957020029	Đàm Thị	Oanh	02/08/91		2	
12	0957020033	Lê Thị	Phương	05/11/91		2	
13	0957020037	Hoàng Thị Mai	Thanh	20/05/90		2	
14	0957020040	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/10/91		2	
15	0957020042	Nguyễn Thị Hoài	Thu	27/10/91		2	
16	0957020055	Luân Hải	Yến	14/02/91		2	
1008D04A (Đại học (Tín chỉ) - Tiếng Anh-2010 - 2014)							
1	1057010008	Trần Thị	Hậu	05/11/92		3	
2	1057010009	Đinh Thị Thu	Hiền	10/11/91		6	
3	1057010010	Nguyễn Thị	Hiển	02/02/91		6	
4	1057010011	Đặng Thị Việt	Hoa	13/05/91		3	
5	1057010014	Bùi Thị Thu	Hương	29/07/92		6	
6	1057010015	Hạ Thị	Hương	20/01/92		6	
7	1057010018	Trần Thị Thanh	Hương	17/09/92		6	
8	1057010019	Nguyễn Thị Thu	Hường	02/09/92		6	
9	1057010021	Khương Thị	Liên	03/05/92		6	
10	1057010022	Ngô Thị Thùy	Linh	25/09/92		6	
11	1057010026	Nguyễn Thị	Lương	17/10/92		6	
12	1057010027	Phạm Thị Phương	Ly	25/09/92		6	
13	1057010028	Nguyễn Tiến	Mạnh	09/10/92		6	
14	1057010029	Đinh Thùy	Nam	07/03/92		6	
15	1057010033	Phạm Thùy	Nhung	20/11/92		6	
16	1057010034	Nguyễn Thị	Phượng	04/09/92		6	
17	1057010035	Nguyễn Thị	Quỳnh	25/10/92		6	
18	1057010036	Trần Thị Như	Quỳnh	20/03/91		3	
19	1057010037	Hán Quang	Sáng	28/03/92		3	
20	1057010038	Tạ Thị Thanh	Tâm	02/04/92		3	
21	1057010041	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/08/92		3	
22	1057010043	Đinh Thị	Thân	13/12/92		6	
23	1057010050	Trần Mạnh	Trung	01/01/92		6	
24	1057010051	Dương Thị Thanh	Tú	06/11/92		6	
25	1057010052	Phạm Thị	Tuyên	09/04/92		6	
26	1057010053	Nguyễn Kim	Tuyển	14/04/92		6	
27	1057010056	Nguyễn Thị Lệ	Xiêm	15/04/92		3	
28	1057010057	Nguyễn Thị Hải	Yến	20/09/92		6	
29	1057010058	Trần Thị	Yến	20/12/91		6	
1008D18A (Đại học (Tín chỉ) - Tiếng Trung-2010 - 2014)							
1	1057020022	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	10/08/92		4	
2	1057020023	Lê Thị	Ban	05/09/92		4	
3	1057020024	Nguyễn Thị	Hải	06/01/92		4	
4	1057020025	Nguyễn Thị	Hải	10/12/92		4	
5	1057020026	Trần Phương	Hạnh	05/10/92		4	
6	1057020003	Dương Thị Mỹ	Hằng	13/08/92		7	
7	1057020027	Hà Thị	Hằng	20/10/92		4	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Đại học (Tín chỉ) (D)
Ngoại ngữ (NN)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
8	1057020029	Phạm Thị Thúy	Hằng	03/02/92		4	
9	1057020030	Hán Thị Ngọc	Hân	21/09/92		4	
10	1057020031	Nguyễn Thị	Hậu	14/06/92		4	
11	1057020004	Cao Thị Thanh	Hiền	12/02/91		4	
12	1057020005	Nguyễn Thị	Hiền	12/08/91		4	
13	1057020032	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	24/04/92		4	
14	1057020006	Hà Thị Thanh	Hòa	01/08/92		4	
15	1057020007	Lê Việt	Hòa	29/06/91		4	
16	1057020034	Triệu Thị	Hồng	09/08/92		4	
17	1057020008	Lê Thị Lan	Hương	30/11/92		7	
18	1057020010	Nguyễn Hà	Lam	11/09/92		4	
19	1057020012	Triệu Thị	Lựu	09/03/92		9	
20	1057020039	Trần Thị Khánh	Ly	17/02/92		4	
21	1057020013	Đỗ Thị	Mai	12/02/92		7	
22	1057020040	Nguyễn Thị Hà	My	20/09/92		7	
23	1057020042	Đặng Hồng	Nhung	23/07/92		4	
24	1057020014	Phan Thị Lan	Phượng	03/08/92		7	
25	1057020046	Vũ Thảo	Quế	23/06/90		4	
26	1057020047	Dương Anh	Quỳnh	06/12/92		4	
27	1057020048	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	11/03/92		4	
28	1057020015	Khổng Thị	Thao	28/06/92		4	
29	1057020050	Hà Thị Phương	Thảo	26/06/92		7	
30	1057020016	Nguyễn Thị	Thắm	24/03/92		4	
31	1057020017	Trần Thị	Thu	17/02/92		7	
32	1057020018	Nguyễn Thị Thanh	Thương	16/08/92		4	
33	1057020052	Hoàng Thủy	Tiên	12/07/92		4	
34	1057020053	Đặng Thị Thu	Trang	11/07/92		7	
35	1057020019	Hứa Thị Huyền	Trang	07/12/91		4	
36	1057020054	Lê Thu	Trang	10/08/92		9	
37	1057020021	Hà Hoàng	Yến	08/06/92		7	

1109D18A (Đại học (Tín chỉ)- Ngôn ngữ Trung Quốc A - 2011 - 2015)

1	1157020003	Trịnh Quang	Cường	03/08/92		6	
2	1157020004	Trần Thị Thùy	Dung	24/08/93		6	
3	1157020006	Lưu Thị Thúy	Hằng	28/05/93		3	
4	1157020011	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/11/93		3	
5	1157020014	Lê Thị Phương	Lan	19/12/93		3	
6	1157020016	Trần Thị Khánh	Linh	21/10/93		6	
7	1157020018	Nguyễn Thị	Lý	02/01/93		6	
8	1157020019	Bùi Thị Hằng	Nga	22/04/93		6	
9	1157020024	Dương Trung	Sơn	12/04/93		6	
10	1157020026	Chu Thị	Thu	27/02/93		6	
11	1157020027	Đinh Thị	Thúy	19/12/93		3	
12	1157020028	Trần Thị Thanh	Thúy	30/08/92		6	
13	1157020030	Lê Thùy	Trang	29/04/93		6	
14	1157020034	Đinh Thị Khánh	Vân	22/12/93		3	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Đại học (Tín chỉ) (D)
Ngoại ngữ (NN)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
15	1157020035	Lương Thị	Yến	02/06/93		6	
16	1157020036	Nguyễn Thị Kim	Yến	01/07/93		3	
1109D18B (Đại học (Tín chỉ)- Ngôn ngữ Trung Quốc B (ĐC) - 2011 - 2015)							
1	1157022003	Nguyễn Thị Thu	Huyền	28/08/93		6	
2	1157022004	Nguyễn Trung	Khánh	09/12/93		3	
1109D28A (Đại học (Tín chỉ)- SP Tiếng Anh A - 2011 - 2015)							
1	1157010003	Phùng Thị	Chiến	13/02/93		3	
2	1157010004	Nguyễn Thị Thu	Chuyên	18/11/93		8	
3	1157010005	Nguyễn Thị	Dung	12/02/93		6	
4	1157010008	Hà Thị	Đông	02/09/93		2	
5	1157010009	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	11/02/93		3	
6	1157010012	Trần Thị Minh	Giang	26/04/93		6	
7	1157010013	Đình Thị Thu	Hà	24/08/93		8	
8	1157010014	Phan Thị Thu	Hà	09/01/93		8	
9	1157010015	Đỗ Đào Long	Hải	29/09/93		3	
10	1157010016	Trần Mỹ	Hạnh	28/03/93		3	
11	1157010017	Lê Thị Thúy	Hằng	15/10/93		6	
12	1157010018	Nhâm Thu	Hằng	28/11/93		6	
13	1157010019	Cao Thị Thanh	Hồng	12/01/92		8	
14	1157010020	Nguyễn Quốc	Huy	22/11/93		8	
15	1157010021	Lê Thị Thu	Huyền	15/08/93		8	
16	1157010023	Đỗ Thị	Hương	26/03/93		3	
17	1157010024	Nguyễn Mai	Hương	26/10/93		8	
18	1157010025	Nguyễn Thị Mai	Hương	24/06/93		8	
19	1157010026	Quách Thu	Hương	29/08/93		3	
20	1157010027	Nguyễn Thị Thanh	Hương	27/03/93		2	
21	1157010030	Hà Thị	Liễu	12/09/93		8	
22	1157010031	Hoàng Thị Diệu	Linh	24/06/93		6	
23	1157010032	Phạm Thị Hương	Ly	09/10/93		3	
24	1157010033	Nguyễn Thị	Lý	13/10/93		5	
25	1157010034	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	30/04/93		6	
26	1157010035	Phan Thị	Mai	23/12/93		3	
27	1157010036	Đình Văn	Minh	14/07/93		3	
28	1157010037	Nguyễn Thị Thanh	Nga	28/08/93		2	
29	1157010038	Trần Thị Hồng	Nga	21/11/92		6	
30	1157010040	Nguyễn Thị Kim	Ngân	11/10/93		3	
31	1157010042	Đình Thị Thu	Phượng	03/04/93		6	
32	1157010043	Đình Thị	Phượng	22/04/93		5	
33	1157010044	Đỗ Thị Kim	Phượng	22/02/93		3	
34	1157010045	Lưu Thị Bích	Phượng	18/08/92		3	
35	1157010047	Hoàng Thị	Thu	20/09/93		8	
36	1157010048	Bùi Thị Xuân	Thúy	15/07/92		3	
37	1157010049	Bùi Thị	Thư	20/09/93		3	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Đại học (Tín chỉ) (D)
Ngoại ngữ (NN)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1109D28B (Đại học (Tín chỉ)- SP Tiếng Anh B (ĐC) - 2011 - 2015)							
1	1157012001	Hoàng Minh	Chiến	15/05/93		3	
2	1157012002	Trần Thị Hương	Giang	04/02/93		6	
3	1157012003	Hà Thị ánh	Hồng	18/05/93		6	
4	1157012004	Lê Ngọc	Quỳnh	19/10/93		6	
5	1157012006	Kiều Thu	Trang	08/10/93		3	

Tổng cộng danh sách này có 171 SV.

In Ngày 27/04/12

Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

**Đại học (Tín chỉ) (D)
GDTH & Mầm non (TM)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
0907D03A (Đại học (Tín chỉ)-SP GD Tiểu học A -2009 - 2013)							
1	0959040008	Đỗ Thị	Hiền	06/02/91		5	
2	0959040010	Khuất Thị	Hồng	14/03/91		5	
3	0959040014	Lương Quốc	Huy	11/09/91		2	
4	0959040022	Nguyễn Thị Minh	Lan	04/08/91		5	
5	0959040024	Bùi Thị	Lý	01/10/90		5	
6	0959040028	Nguyễn Thị	Nghĩa	01/01/91		5	
7	0959040029	Nguyễn Thị	Nguyệt	30/11/91		7	
8	0959040032	Đỗ Thị Vân	Oanh	07/01/91		5	
9	0959040034	Hà Thị Thu	Quỳnh	28/06/90		2	
10	0959040038	Dương Thị Bích	Thảo	21/08/90		2	
11	0959040049	Đỗ ánh	Tuyết	04/04/90		5	
12	0959040050	Nguyễn Thị	út	07/07/91		7	
13	0959040051	Hoàng Thị	Vân	06/08/91		7	
1008D03B (Đại học (Tín chỉ)-SP GD Tiểu học B (ĐC)-2010 - 2014)							
1	1059042003	Sa Văn	Bình	04/03/92		2	
2	1059042057	Trần Thị Bích	Đào	28/11/91		2	
3	1059042005	Kiều Thị	Hà	29/07/92		2	
4	1059042007	Lưu Thị	Hiền	22/09/91		2	
5	1059042008	Nguyễn Thị Minh	Hiền	26/08/92		2	
6	1059042009	Nguyễn Thị Thu	Hiền	21/08/92		2	
7	1059042010	Phạm Thị Thu	Hiền	15/05/92		2	
8	1059042011	Cao Văn	Hiệp	14/07/91		2	
9	1059042012	Nguyễn Thị	Hoa	26/03/92		2	
10	1059042013	Đặng Thị Thúy	Hòa	03/11/92		2	
11	1059042015	Nguyễn Tiến	Hoàng	23/11/92		2	
12	1059042016	Nguyễn Thị	Hồng	20/11/91		2	
13	1059042017	Lê Thị	Huệ	15/06/92		2	
14	1059042018	Hà Thị	Huyền	10/09/92		2	
15	1059042020	Hà Thị	Hương	02/02/92		2	
16	1059042022	Vũ Thị	Lan	22/02/92		2	
17	1059042025	Nguyễn Thị Kim	Loan	28/08/92		2	
18	1059042027	Trần Thị	Lừu	16/07/92		2	
19	1059042028	Nguyễn Thị	Lý	03/08/91		2	
20	1059042029	Nguyễn Thị Thanh	Mai	20/03/92		2	
21	1059042037	Nguyễn Phương	Thảo	10/02/92		3	
22	1059042042	Trương Thị Minh	Thúy	06/08/92		2	
23	1059042047	Hoàng Thị	Tuyến	06/01/92		3	
24	1059042055	Nguyễn Thị Hải	Yến	11/01/92		3	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Đại học (Tín chỉ) (D)
GDTH & Mầm non (TM)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1008D05A (Đại học (Tín chỉ) - SP GD Mầm non-2010 - 2014)						
1	1059030040	Hoàng Thị Thơm	30/11/92		2	
2	1059030052	Nguyễn Hải Yến	16/07/92		2	
1109D03A (Đại học (Tín chỉ)- GD Tiểu học A - 2011 - 2015)						
1	1159040003	Nguyễn Thị Lan Anh	18/12/92		5	
2	1159040007	Nguyễn Thị Hằng	10/11/92		5	
3	1159040010	Trần Thị Hồi	06/07/92		2	
4	1159040014	Nguyễn Thị Thu Hương	18/01/93		2	
5	1159040017	Hà Nhật Lệ	10/11/93		7	
6	1159040018	Bùi Thị Thúy Linh	28/07/93		5	
7	1159040019	Nguyễn Thị Luyến	12/02/93		7	
8	1159040020	Dương Hương Ly	18/12/93		5	
9	1159040033	Phan Thị Ngọc	25/04/93		2	
10	1159040035	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01/01/93		2	
11	1159040039	Nguyễn Thị Phương	02/05/93		2	
12	1159040040	Lương Thị Sang	25/10/93		2	
13	1159040042	Phùng Thị Thùy	20/12/93		5	
14	1159040043	Ngô Thị Thúy	21/04/93		5	
15	1159040044	Nguyễn Phương Thúy	25/11/93		5	
16	1159040053	Bùi Thị Vọng	26/12/92		2	
1109D03B (Đại học (Tín chỉ)- GD Tiểu học B (ĐC) - 2011 - 2015)						
1	1159042001	Nguyễn Thị Ngọc Chăm	30/09/93		2	
2	1159042004	Hoàng Yến Hoa	18/04/93		7	
3	1159042005	Nguyễn Thị Lâm	08/09/93		5	
4	1159042006	Hà Diệu Linh	01/01/93		5	
5	1159042007	Bùi Đức Mạnh	21/04/93		2	
6	1159042009	Hà Phương Quỳnh	13/10/93		5	
1109D05A (Đại học (Tín chỉ)- GD Mầm non A - 2011 - 2015)						
1	1159030001	Dương Lan Anh	17/08/93		5	
2	1159030006	Hạ Thị Chang	20/01/92		5	
3	1159030008	Đinh Thị Chung	15/03/93		5	
4	1159030017	Dương Thị Hoa	14/12/93		5	
5	1159030018	Đỗ Thị Hoa	16/01/93		5	
6	1159030020	Phạm Thị Huyền	16/11/92		5	
7	1159030025	Vi Thị Liên	03/07/93		2	
8	1159030040	Cù Thị Phương Thảo	21/12/93		5	
9	1159030041	Đinh Thị Thảo	15/08/93		5	
10	1159030054	Đinh Thị Xuân	20/07/93		5	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
GDTH & Mầm non (TM)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1109D05B (Đại học (Tín chỉ)- GD Mầm non B (ĐC) - 2011 - 2015)						
1	1159032011	Nguyễn Quỳnh Hoa	20/08/93		2	
2	1159032028	Hà Thị Thu Thúy	19/11/93		5	

Tổng cộng danh sách này có 73 SV.

In Ngày 27/04/12

***Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu***

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

Đại học (Tín chỉ) (D)
Khoa học Tự nhiên (TN)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1109D23A (Đại học (Tín chỉ)- SP Sinh học A - 2011 - 2015)							
1	1153010003	Đình Việt	Giang	20/04/93		5	
2	1153010010	Hà Thị	Học	02/02/93		5	
3	1153010017	Chữ Đức	Kha	28/11/93		5	
4	1153010020	Bàn Thị	Lệ	29/03/93		3	
5	1153010028	Nguyễn Văn	Minh	01/10/93		5	
6	1153010040	Nguyễn Phương	Quý	23/11/93		5	
7	1153010055	Đình Thị	Vân	18/08/93		8	
1109D23B (Đại học (Tín chỉ)- SP Sinh học B (ĐC) - 2011 - 2015)							
1	1153012001	Đình Quang	Chung	05/09/93		5	
2	1153012002	Nguyễn Thị Thúy	Hà	11/06/93		3	
3	1153012004	Hoàng Thị Lan	Hương	12/12/93		3	
4	1153012005	Nguyễn Phương	Linh	03/09/93		8	
5	1153012007	Nguyễn Ngọc	Minh	13/09/93		5	
6	1153012009	Đỗ Thị	Thu	05/02/93		5	
7	1153012014	Nguyễn Thị Minh	Thư	15/12/93		5	
8	1153012010	Hà Thị Huyền	Trang	03/11/93		8	
9	1153012011	Hoàng Thị Thu	Trang	27/07/93		3	
10	1153012012	Bùi Kim	Tuyến	21/03/93		3	
1109D24A (Đại học (Tín chỉ)- SP Hóa học A - 2011 - 2015)							
1	1152010003	Vũ Cao	Cường	10/07/93		5	
2	1152010006	Ngô Văn	Đội	01/08/93		5	
3	1152010008	Khúc Duy	Hải	28/10/93		5	

Tổng cộng danh sách này có 20 SV.

In Ngày 27/04/12

Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Học Kỳ 3 - Năm Học 11-12

**Đại học (Tín chỉ) (D)
KHXH & NV (XH)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
0907D09A (Đại học (Tín chỉ)-SP Sử-GDCD A -2009 - 2013)						
1	0956020002	Nguyễn Thị Ngọc ánh	19/11/91		2	
2	0956020005	Nguyễn Thị Dung	03/03/91		2	
3	0956020007	Nguyễn Ngọc Đông	13/03/90		5	
4	0956020008	Nguyễn Thị Thùy Giang	21/03/91		5	
5	0956020009	Trần Thị Giang	24/09/91		5	
6	0956020010	Nguyễn Thị Thu Hà	04/12/91		5	
7	0956020018	Nguyễn Văn Hiệu	12/10/89		5	
8	0956020025	Chu Thị Thu Hường	20/01/91		5	
9	0956020029	Đào Thị Hồng Luyến	15/03/90		5	
10	0956020030	Vũ Thị Kim Lương	10/10/90		5	
11	0956020032	Vũ Thị Mây	01/11/91		2	
12	0956020034	Hoàng Thị Ngân	19/03/91		2	
13	0956020037	Phùng Thị Nhường	27/07/91		5	
14	0956020038	Đình Quang Phúc	23/08/90		5	
15	0956020040	Ngọc Thị Lệ Quyên	09/03/91		5	
16	0956020043	Vi Văn Sơn	15/09/90		7	
17	0956020046	Trần Đức Thọ	02/01/91		5	
18	0956020049	Đình Thị Lệ Thùy	18/10/91		2	
19	0956020053	Nguyễn Thị Huyền Trang	11/12/91		5	
20	0956020054	Trương Thị Trang	20/02/89		5	
21	0956020056	Nguyễn Thị Thu Vân	18/06/90		7	
0907D09B (Đại học (Tín chỉ)-SP Sử-GDCD B (ĐC) -2009 - 2013)						
1	0956020101	Dương Hồng Anh	02/07/89		4	
2	0956020102	Nguyễn Thị Kim Anh	27/11/91		5	
3	0956020103	Nguyễn Thị Phương Anh	28/01/90		8	
4	0956020105	Bùi Ngọc ánh	04/09/90		5	
5	0956020106	Hà Thế Ân	21/05/90		8	
6	0956020107	Đình Văn Bộ	30/06/90		2	
7	0956020108	Hà Thị Cẩm	02/10/90		7	
8	0956020110	Bùi Huyền Chi	20/09/91		8	
9	0956020111	Nguyễn Khánh Chi	18/10/89		5	
10	0956020112	Nguyễn Thị Hồng Chiến	19/05/91		2	
11	0956020113	Hà Thái Dương	30/07/90		5	
12	0956020117	Nguyễn Thành Đồng	12/03/91		8	
13	0956020123	Nguyễn Nhị Hà	08/10/90		7	
14	0956020126	Đặng Thị Thu Hiền	01/09/91		5	
15	0956020128	Nguyễn Thị Hiền	15/03/91		2	
16	0956020130	Nguyễn Thị Hoa	05/02/91		7	
17	0956020132	Bùi Thị Huyền	10/10/90		7	
18	0956020134	Nguyễn Thị Hường	06/06/90		8	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
KHXH & NV (XH)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
19	0956020135	Tạ Thúy	Hường	01/10/91		2	
20	0956020136	Phạm Trung	Kiên	09/12/91		3	
21	0956020139	Hoàng Thị	Luận	03/09/90		7	
22	0956020140	Vũ Sao	Ly	01/10/90		4	
23	0956020141	Lý Thị	Mai	09/09/91		7	
24	0956020142	Hà Thị	Miền	06/06/91		4	
25	0956020143	Trần Thị	Mỹ	28/12/91		7	
26	0956020144	Hoàng Thủy	Ngân	10/12/91		7	
27	0956020146	Khuất Thị	Nguyệt	17/10/89		5	
28	0956020147	Đình Thị Bảo	Ninh	16/02/91		9	
29	0956020148	Hà Thị	Phước	25/08/91		7	
30	0956020150	Lý Phúc	Sinh	07/01/91		2	
31	0956020152	Hà Thị	Thảo	22/04/91		5	
32	0956020157	Trừ Thị	Trần	20/05/89		5	
33	0956020159	Nguyễn Thị	Vân	13/03/91		5	
34	0956020160	Nguyễn Thị Hồng	Vân	24/08/91		5	
0907D17A (Đại học (Tín chỉ)- Việt Nam Học-2009 - 2013)							
1	0956050003	Trương Văn	Ba	31/10/91		2	
2	0956050004	Trần Quốc	Bảo	27/10/91		2	
3	0956050007	Phạm Thị	Bình	23/12/90		2	
4	0956050006	Phan Văn	Bình	10/06/91		2	
5	0956050008	Vũ Thị	Chi	20/01/89		2	
6	0956050022	Phạm Thị Phương	Hạnh	08/01/90		2	
7	0956050024	Nguyễn Thị	Hòa	17/09/91		2	
8	0956050032	Lý Thị	Hương	05/07/89		2	
9	0956050039	Tường Thị Tuyết	Linh	14/07/91		5	
10	0956050044	Âu Thị	Lý	05/02/91		2	
11	0956050047	Lê Văn	Nam	05/01/90		5	
12	0956050049	Hà Thị Lan	Ngọc	08/02/91		5	
13	0956050063	Hoàng Minh	Thùy	22/07/90		2	
1008D02A (Đại học (Tín chỉ)-SP Ngữ Văn A -2010 - 2014)							
1	1056010001	Hà Thị	Bên	23/03/92		4	
2	1056010002	Trần Thị	Chiêm	21/12/91		3	
3	1056010003	Lý Thị	Cúc	08/03/92		4	
4	1056010004	Nguyễn Thị	Dinh	25/03/92		9	
5	1056010005	Dương Thị	Dung	27/07/92		5	
6	1056010006	Hà Thị	Duyên	05/08/91		4	
7	1056010007	Lê Thị Châu	Dương	22/07/92		5	
8	1056010008	Nguyễn Thị Thu	Hà	30/11/92		5	
9	1056010009	Lý Quang	Hải	30/10/91		3	
10	1056010010	Trần Thị	Hào	19/10/92		7	
11	1056010011	Bùi Thị Ngân	Hằng	02/08/91		5	
12	1056010012	Lý Thu	Hằng	20/09/92		7	
13	1056010013	Hà Thị Thu	Hiền	01/09/92		4	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
KHXH & NV (XH)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
14	1056010017	Vi Thị Hồng	15/08/92		3	
15	1056010019	Nguyễn Thị Huyền	28/10/92		5	
16	1056010020	Trần Thị Thu Huyền	21/11/92		4	
17	1056010021	Nguyễn Thị Thu Hương	12/06/92		3	
18	1056010022	Vàng Thị Hương	21/12/91		7	
19	1056010024	Trần Thị Thu Hường	25/11/92		9	
20	1056010025	Hoàng Thị Bích Lệ	04/03/92		4	
21	1056010026	La Thị Giang Linh	30/11/92		5	
22	1056010027	Trần Thị Khánh Linh	20/02/91		5	
23	1056010028	Nguyễn Thị Luân	21/03/92		4	
24	1056010031	Chu Thị Mến	14/08/91		4	
25	1056010032	Vi Thị Mến	10/01/92		5	
26	1056010034	Nguyễn Thị Nga	15/03/92		2	
27	1056010035	Phan Thị Ngát	20/12/92		2	
28	1056010036	Hà Thị Ngân	06/01/92		7	
29	1056010037	Bùi Thị Ngọc	14/07/92		4	
30	1056010038	Nguyễn Thị Nhung	25/12/92		5	
31	1056010042	Hoàng Minh Phượng	08/08/92		5	
32	1056010043	Phạm Thị Phượng	03/10/91		2	
33	1056010044	Chu Thị Thúy Quỳnh	27/01/92		4	
34	1056010046	Phùng Thị Kim Thanh	02/12/92		5	
35	1056010049	Chu Thị Thu	30/03/92		4	
36	1056010051	Lương Thị Thủy	20/10/91		7	
37	1056010052	Nguyễn Thị Thương	14/11/91		2	
38	1056010054	Hoàng Huyền Trang	22/10/92		4	
39	1056010055	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/07/92		3	
1008D02B (Đại học (Tín chỉ)-SP Ngữ Văn B (ĐC) -2010 - 2014)						
1	1056012001	Cao Tiến Đạt	06/08/92		2	
2	1056012002	Hoàng Thị Hiện	21/03/92		4	
3	1056012003	Vàng Seo Hòa	10/02/89		7	
4	1056012006	Đỗ Văn Tú	02/08/92		5	
1008D09A (Đại học (Tín chỉ) - SP Sử-GDCD A -2010 - 2014)						
1	1056020007	Lưu Thị Dền	01/07/92		3	
2	1056020008	Đinh Thị Thúy Đạt	14/10/92		5	
3	1056020009	Thèn Văn Đức	07/11/90		5	
4	1056020010	Nguyễn Xuân Dương	11/04/92		5	
5	1056020011	Văn Hương Giang	01/09/92		7	
6	1056020015	Trần Thu Hằng	09/11/92		5	
7	1056020017	Trịnh Thị Hiền	25/01/92		5	
8	1056020018	Lương Công Hiếu	07/11/92		8	
9	1056020020	Hà Xuân Hình	02/07/92		8	
10	1056020025	Nguyễn Quang Huy	24/07/92		5	
11	1056020026	Nguyễn Thị Thu Hương	30/08/92		5	
12	1056020028	Đinh Xuân Khải	11/09/92		5	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
KHXH & NV (XH)**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
13	1056020029	Nguyễn Đức	Kỷ	24/06/88		5	
14	1056020030	Nguyễn Thị Bích	Lan	23/02/90		5	
15	1056020035	Phan Thị Thanh	Nhàn	14/10/91		5	
16	1056020040	Trần Thị	Quý	01/01/92		3	
17	1056020045	Nguyễn Thị	Thoa	04/06/92		8	
18	1056020046	Đình Ngọc	Thơm	09/08/91		8	
19	1056020047	Nguyễn Văn	Thuận	05/09/92		5	
20	1056020048	Lê Thị	Thương	04/02/92		3	
21	1056020049	Nguyễn Thị	Toan	08/06/92		3	
22	1056020051	Đình Thị Thu	Trang	08/02/92		5	
23	1056020052	Phạm Thị Kim	Tuyến	13/02/92		5	
24	1056020053	Phùng Văn	Tướng	07/12/91		5	
25	1056020054	Nguyễn Thị	Vấn	23/09/92		5	
1008D09B (Đại học (Tín chỉ) - SP Sử-GDCD B (ĐC)-2010 - 2014)							
1	1056022001	Trần Kim	Anh	07/07/92		8	
2	1056022002	Trần Thị Thanh	Hà	08/09/92		5	
3	1056022005	Hà Thị	Hạnh	20/03/92		5	
4	1056022007	Hà Quang	Huấn	23/03/92		5	
5	1056022010	Đỗ Văn	Lãng	17/08/90		8	
6	1056022011	Nông Thùy	Linh	25/08/92		8	
7	1056022014	Lâm Hoài	My	01/08/92		8	
8	1056022017	Bùi Thu	Thủy	26/02/92		5	
9	1056022019	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/09/92		8	
10	1056022020	Vũ Xuân	Trường	11/04/92		5	
1008D17A (Đại học (Tín chỉ) - Việt Nam Học-2010 - 2014)							
1	1056050001	Nguyễn Văn	Bảo	14/09/92		2	
2	1056050002	Phạm Thị	Cúc	01/06/92		5	
3	1056050003	Hoàng Kim	Cương	14/10/92		3	
4	1056050006	Lâm Việt	Dũng	25/05/91		2	
5	1056050007	Đặng Thị Bích	Đào	13/01/92		7	
6	1056050010	Nguyễn Thị Hải	Hà	24/02/92		2	
7	1056050011	Trần Thị	Hải	01/01/92		5	
8	1056050012	Lê Thị Mỹ	Hạnh	07/06/92		4	
9	1056050013	Tạ Thị	Hạnh	30/02/92		3	
10	1056050014	Phạm Thị	Hào	02/04/92		5	
11	1056050015	Trần Thị	Hân	17/09/92		2	
12	1056050055	Bùi Thị	Hoa	15/05/91		5	
13	1056050018	Nguyễn Thị Kim	Hoàn	09/12/92		3	
14	1056050020	Vũ Thị Minh	Hồng	25/11/92		2	
15	1056050022	Phạm Thị Thanh	Huyền	26/08/92		3	
16	1056050024	Nguyễn Thị Kiều	Lan	04/10/91		3	
17	1056050057	Vàng Xuân	Lành	08/04/90		5	
18	1056050026	Kiều Văn	Lực	02/02/92		2	
19	1056050029	Nguyễn Văn	Năng	04/02/92		3	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
KHXH & NV (XH)**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
20	1056050030	Ngô Thị Kim	Ngân	05/06/92		8	
21	1056050031	Lê Thị Tuyết	Nhung	30/06/92		3	
22	1056050065	Nguyễn Lệ	Phượng	27/07/92		5	
23	1056050032	Phạm Đức	Sang	18/11/92		3	
24	1056050035	Mạc Phượng	Thảo	03/07/92		3	
25	1056050037	Đình Thị	Thùy	21/05/92		5	
1109D02A (Đại học (Tín chỉ)- SP Ngữ văn A - 2011 - 2015)							
1	1156010005	Trương Thị Tuyết	Anh	20/02/93		5	
2	1156010009	Đình Thị Hương	Dang	25/09/93		2	
3	1156010011	Nguyễn Thị Thùy	Dung	25/12/92		2	
4	1156010015	Xa Thị	Hà	26/04/93		2	
5	1156010019	Tạ Thị Mỹ	Hạnh	28/04/93		2	
6	1156010021	Đỗ Thị Thu	Hằng	05/01/92		2	
7	1156010025	Nguyễn Thị Ngọc	Huế	23/10/93		2	
8	1156010030	Ngô Thị	Loan	22/11/93		2	
9	1156010033	Đào Lê Cẩm	Ly	23/08/93		5	
10	1156010038	Hoàng Thị Hồng	Nhung	23/11/93		5	
11	1156010039	Nguyễn Thị	Nhung	09/11/93		5	
12	1156010045	Trần Thị	Thùy	08/05/93		5	
13	1156010047	Nguyễn Thị	Thúy	26/08/93		7	
14	1156010050	Nguyễn Thị Thanh	Tú	22/01/93		7	
15	1156010052	Đình Thị	Vân	14/04/93		5	
16	1156010054	Lê Thị Hải	Yến	27/02/93		2	
17	1156010055	Vũ Thị Hải	Yến	10/06/93		2	
1109D02B (Đại học (Tín chỉ)- SP Ngữ văn B (ĐC) - 2011 - 2015)							
1	1156012002	Đình Thị	Chang	23/12/93		7	
2	1156012004	Lê Thị	Hà	05/06/93		7	
3	1156012006	Tạ Thị	Hào	27/12/93		7	
4	1156012008	Hà Thị Thanh	Huyền	29/07/93		7	
5	1156012010	Nguyễn Thị An	Na	09/07/93		5	
6	1156012012	Nguyễn Thanh	Nguyệt	14/12/93		5	
7	1156012016	Mai Tường	Quyên	27/12/92		7	
8	1156012018	Nguyễn Thị	The	16/10/93		7	
1109D06A (Đại học (Tín chỉ)- SP Địa lý A - 2011 - 2015)							
1	1156030002	Hà Thị	Chang	18/11/93		5	
2	1156030004	Đình Văn	Chuyển	14/07/91		5	
3	1156030025	Nông Thị	Ngọc	22/02/93		3	
4	1156030033	Nùng Văn	Thái	09/10/92		5	
5	1156030035	Nguyễn Thị	Thảo	28/10/93		5	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
KHXH & NV (XH)**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1109D06B (Đại học (Tín chỉ)- SP Địa lý B (ĐC) - 2011 - 2015)							
1	1156032001	Hà Việt	Bắc	24/09/91		5	
2	1156032003	Nguyễn Minh	Đức	10/09/93		5	
3	1156032005	Nguyễn Ngọc	Hải	11/10/93		5	
4	1156032011	Phạm Quốc	Thái	23/01/93		5	
5	1156032013	Hoàng Bích	Thùy	14/03/93		3	
1109D09A (Đại học (Tín chỉ)- SP Sử - GDCD A - 2011 - 2015)							
1	1156020038	Vàng Thị	Thắm	01/04/92		5	
2	1156020039	Đình Tám	Thị	04/09/92		5	
3	1156020044	Lê Thị Quỳnh	Thư	14/09/93		5	
4	1156020045	Nguyễn Thị	Vị	28/11/93		5	
5	1156020046	Nguyễn Thị Hải	Yến	10/06/93		5	
1109D09B (Đại học (Tín chỉ)- SP Sử - GDCD B (ĐC) - 2011 - 2015)							
1	1156022001	Nguyễn Thị	ánh	05/11/93		5	
2	1156022003	Đỗ Đức	Cường	05/09/93		5	
3	1156022008	Phùng Thị Thu	Hiên	18/04/93		5	
4	1156022027	Hà Thị Thanh	Huệ	19/05/93		5	
5	1156022010	Lương Thị	Khang	23/04/93		5	
6	1156022012	Hà Xuân	Khánh	03/12/90		5	
7	1156022013	Đình Thị Thùy	Linh	26/08/93		5	
8	1156022014	Hoàng Diệu	Linh	29/10/93		5	
9	1156022016	Hà Thị	Luyến	15/06/93		5	
10	1156022017	Nguyễn Thị Thúy	Nga	25/05/93		5	
11	1156022019	Đình Thị Hồng	Nhung	17/08/93		5	
12	1156022023	Đàm Huy	Thành	17/12/92		5	
13	1156022026	Hà Thị	Yến	28/03/93		5	
1109D17A (Đại học (Tín chỉ)- Việt Nam học A - 2011 - 2015)							
1	1156050003	Nguyễn Như	Biên	05/08/93		5	
2	1156050011	Hoàng Thị	Hồng	01/01/93		5	
3	1156050012	Cao Thị Thu	Huyền	19/12/93		5	
4	1156050013	Bùi Tiến	Hưng	19/03/93		5	
5	1156050023	Đình Công	Nam	13/06/93		5	
6	1156050025	Hoàng Thị Hồng	Nhung	07/10/93		5	
7	1156050026	Trần Thị	Phương	10/08/93		5	
8	1156050030	Nguyễn Hoàng	Sơn	22/09/93		5	
9	1156050036	Nguyễn Bảo	Thị	12/02/93		5	
10	1156050041	Nguyễn Phương	Thúy	16/10/93		5	
11	1156050046	Trần Kiều	Trình	12/09/93		5	

LIỆT KÊ KẾT QUẢ THEO SỐ TÍN CHỈ ĐÃ ĐĂNG KÝ

**Đại học (Tín chỉ) (D)
KHXH & NV (XH)**

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	H	TC	Ghi chú
1109D17B (Đại học (Tín chỉ)- Việt Nam học B (ĐC) - 2011 - 2015)						
1	1156052002	Lý Thị Hoàn	15/03/93		5	

Tổng cộng danh sách này có 236 SV.

In Ngày 27/04/12

***Phú Thọ, Ngày 27 tháng 04 năm 2012
Người lập biểu***